

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Hải Ninh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Hải Ninh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Hải Ninh

Mã SV: 1112401137

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại Công ty
Cổ phần Bình Minh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Khái quát hóa được vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp

- Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về hoàn thiện tổ chức kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh
- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh
- Các số liệu tính toán phù hợp, logic với dòng chảy của số liệu kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán được lấy tại phòng kế toán của công ty Cổ phần Bình Minh
- Các số liệu trong bài được lấy từ số liệu năm 2014 của công ty.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Bình Minh

Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	2
1.1: Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.	2
1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại:	2
1.1.4: Phân loại và đánh giá giá trị của hàng hóa:	4
1.1.4.1: Phân loại hàng hóa:	4
1.1.4.2: Đánh giá giá trị của hàng hóa.....	5
1.2: Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.	10
1.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.....	10
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song	10
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:	12
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư:	14
1.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.....	16
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.	16
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ:	20
1.3: Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	22
1.4: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.	23
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:.....	24
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:	25
1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:	27
1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:	29
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính:	31
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH	32
2.1: Khái quát chung về công ty Cổ phần Bình Minh	32
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển:	32
2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh:	32
2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý:.....	33
2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bình Minh:	34

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán:	34
2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp:	36
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty:	36
2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán	36
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán	38
2.2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh	39
2.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh	39
2.2.1.1. Thủ tục nhập xuất.....	39
2.2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh	56
2.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh.....	56
2.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh	69
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	69
2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh	78
CHƯƠNG 3: MỘT Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH	81
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh	81
3.1.2. Nhược điểm.....	84
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hoá tại công ty Cổ phần Bình Minh:	85
3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty Cổ phần Bình Minh.....	85
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa:	86
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh:.....	86
KẾT LUẬN	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
CP	Chi phí
CKTM	Chiết khấu thương mại
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
DNTM	Doanh nghiệp thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng
HH	Hàng hóa
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TP	Thành phẩm

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với doanh nghiệp thương mại thì hàng hóa là quan trọng nhất. Do đó việc quản lý hàng hóa phải thật chính xác và chặt chẽ thì doanh nghiệp mới đạt được kết quả tốt trong kinh doanh, mang lại lợi nhuận cao. Bên cạnh đó doanh nghiệp cần quan tâm đến tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao có hiệu quả nhất, với mục đích cuối cùng là đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt với doanh nghiệp thương mại.

Chính vì vậy là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực buôn bán hàng hoá, công ty Cổ phần Bình Minh luôn đặt việc tổ chức quản lý hàng hoá lên hàng đầu. Từ khâu tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nguồn hàng, nhập khẩu hàng hoá, dự trữ và bảo quản hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá trong nước đều có xây dựng kế hoạch cụ thể.

Chính vì thế sau một thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Bình Minh, em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty và được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các cô, chú, anh chị trong công ty và đặc biệt là phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Văn Thụ, em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh**” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh.
- Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh.

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA
TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI****1.1: Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.**

1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại:

Hàng hóa là đối tượng kinh doanh cũng là đối tượng lao động của doanh nghiệp thương mại, là đối tượng mà doanh nghiệp mua đi bán lại với mục đích kiếm lời.

Hàng hóa luôn luôn đa dạng về chủng loại, kích cỡ và giá cả và biến động không ngừng nên doanh nghiệp phải theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn về số lượng, chất lượng và chủng loại.

Do đó kế toán hàng hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp thương mại (DNTM). Kế toán hàng hóa giúp cho doanh nghiệp giảm bớt một cách tối thiểu những rủi ro về mặt quản lý hàng hóa trong doanh nghiệp. Làm giảm thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại, từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

1.1.2: Khái niệm, đặc điểm của hàng hóa:

+) *Khái niệm của hàng hóa:*

Hàng hóa là những vật phẩm các doanh nghiệp mua về phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

Hàng hóa trong DNTM luôn đa dạng về chủng loại và biến động liên tục nên cần phải theo dõi thường xuyên lượng xuất – nhập – tồn về mặt số lượng, giá trị và chủng loại.

+) *Đặc điểm của hàng hóa:*

Hàng hóa được biểu hiện trên hai mặt giá trị và số lượng.

Số lượng của hàng hóa được xác định bằng đơn vị đo lường phù hợp với tính chất hóa học, lý học của nó như kg, lít, mét... Nó phản ánh quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chất lượng của hàng hóa được xác định bằng tỷ

lệ % tốt, xấu, và giá trị phẩm cấp của hàng hóa.

Hàng hóa trong DNTM thường được phân loại các ngành như sau:

- + Hàng vật tư thiết bị
- + Hàng công nghệ phẩm tiêu dùng
- + Hàng lương thực, thực phẩm

Tổng hợp tất cả các quá trình thuộc hoạt động mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại được gọi là lưu chuyển hàng hóa.

Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

Quá trình bán hàng trong doanh nghiệp được thực hiện theo 2 phương thức:

+ Bán buôn: bán với số lượng lớn. Hầu như khi kết thúc quá trình bán thì hàng hóa vẫn chưa đến tay người tiêu dùng mà phần lớn vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: bán trực tiếp cho người tiêu dùng, và kết thúc quá trình bán hàng thì hàng hóa đã vào lĩnh vực tiêu dùng.

Trong các DNTM thì vốn hàng hóa là vốn chủ yếu nhất và nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên với khối lượng công việc lớn.

Vì vậy, việc tổ chức lưu chuyển hàng hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng với toàn bộ kế toán trong DNTM.

1.1.3: Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

Trong nền kinh tế thị trường, tổ chức tốt công tác hoàn thiện kế toán hàng hóa đối với DNTM là vô cùng quan trọng. Chính vì thế mà kế toán hàng hóa phải nắm chính xác số liệu, cũng như chi tiết từng loại hàng hóa và phải đánh giá chính xác tình hình lưu chuyển hàng hóa của doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hàng hóa trong doanh nghiệp ta cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, xuất – nhập – tồn của hàng hóa.

+)Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa về mặt

số lượng và chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán kế toán.

+ Tham gia kiểm kê, đánh giá hàng hóa theo chế độ nhà nước quy định.

1.1.4: Phân loại và đánh giá giá trị của hàng hóa:

1.1.4.1: Phân loại hàng hóa:

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hóa được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng gồm nhiều mặt hàng:

-) Phân loại theo các ngành hàng thì hàng hóa được chia thành:

- + Hàng kim khí điện máy
- + Hàng hóa chất dầu mỡ
- + Hàng xăng dầu
- + Hàng dệt may, bông vải sợi
- + Hàng da cao su
- + Hàng gốm sứ, thủy tinh
- + Hàng mây, tre đan
- + Hàng rượu bia, thuốc lá

-) Phân loại theo nguồn gốc sản xuất thì hàng hóa được chia thành:

- + Ngành hàng nông sản
- + Ngành hàng lâm sản
- + Ngành hàng thủy sản

-) Phân loại theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành:

- + Hàng hóa ở khâu bán buôn
- + Hàng hóa ở khâu bán lẻ

-) Phân loại theo phương thức vận động thì hàng hóa được chia thành:

- + Hàng hóa chuyển qua kho
- + Hàng hóa chuyển giao bán thẳng

Việc phân loại và xác định những hàng nào thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy việc phân loại hàng tồn kho là cần thiết và vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.4.2: Đánh giá giá trị của hàng hóa

a) Nguyên tắc đánh giá:

(1). Trị giá của hàng hóa phải được đánh giá theo nguyên tắc “giá gốc”. Kế toán phải xác định được giá gốc của hàng hóa ở từng thời điểm khác nhau.

Giá gốc bao gồm: Chi phí thu mua (gồm cả giá mua), chi phí vận chuyển, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng hóa ở thời điểm hiện tại.

(2). Kế toán hàng hóa phải thực hiện đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị lẫn hiện vật. Kế toán phải theo dõi từng thứ, từng loại...theo từng địa điểm sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp đúng cả về giá trị lẫn hiện vật, giữa thực tế với số liệu trên sổ kế toán, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

(3). Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng hóa: Phương pháp kiểm kê định kỳ hoặc phương pháp kê khai thường xuyên. Việc lựa chọn phương pháp nào là tùy thuộc vào tình hình cụ thể của doanh nghiệp như: đặc điểm, tính chất, số lượng chủng loại và yêu cầu công tác quản lý của doanh nghiệp. Khi thực hiện phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

(4). Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện của hàng hóa nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng hóa. Số dự phòng giảm giá được lập vào quy định theo hiện hành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc hoàn thành hoặc tiêu thụ chúng:

b) Phương pháp tính giá hàng hóa:****)Tính giá hàng hóa nhập kho:***

-)Đối với hàng hóa mua ngoài:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Giá thực tế} & & & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{GGHB} \\ \text{nhập kho} & = & \text{Giá} & + & \text{khác liên} & + & \text{thuế không} & - & \text{và} \\ & & \text{mua} & & \text{quan} & & \text{được hoàn lại} & & \text{CKTM} \end{array}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán ghi trên hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng cụ thể là:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua hàng hóa là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ).

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng hóa, hao hụt trong định mức cho phép, công tác chi phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại (CKTM): Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách,... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

-)Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & = & \text{Giá xuất kho để} & + & \text{Chi phí gia công,} \\ \text{nhập kho} & & \text{gia công, chế biến} & & \text{chế biến} \end{array}$$

**)Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến:*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá xuất kho đem} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho} & = & \text{thuê ngoài gia} & + & \text{chuyển bốc} & + & \text{thuê} \\ & & \text{công, chế biến} & & \text{xếp đem đi gia} & & \text{ngoài} \\ & & & & \text{công, chế biến} & & \text{chế biến} \end{array}$$

-) *Đối với hàng hóa được biểu tặng*: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa:

Toàn bộ chi phí thu mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán, kế toán sẽ tính toán và ghi chép vào các tài khoản có liên quan theo chỉ tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ, trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán trong kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp, nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

Ta có thể vận dụng một trong những cách tính toán sau đây:

+ Phân bổ theo giá trị thu mua:

$$\begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân} \\
 \text{bổ cho hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phân bổ} \\
 \text{cho hàng tồn} \\
 \text{kho đầu kỳ}
 \end{array}
 + \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thu} \\
 \text{mua phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{r}
 \text{Giá trị mua} \\
 \text{hàng tồn đầu} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}
 + \begin{array}{r}
 \text{Giá trị mua} \\
 \text{hàng nhập} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }
 * \begin{array}{r}
 \text{Giá trị} \\
 \text{mua hàng} \\
 \text{xuất bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp này có tính chính xác cao, thích hợp trong trường hợp nhập hàng có chênh lệch giá trị lớn, nhưng tính toán phức tạp trong trường hợp số lượng nhập xuất lớn.

+ Phân bổ theo số lượng:

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Chi phí thu} & \text{Chi phí thu mua} & \\
 \text{mua phân} & \text{phân bổ cho hàng} & \\
 \text{bổ cho hàng} & \text{tồn kho đầu kỳ} & + \text{ Chi phí thu mua} \\
 & & \text{phát sinh trong kỳ} \\
 = & & * \\
 \text{xuất bán} & \text{Số lượng hàng tồn} & \text{Số lượng hàng} \\
 \text{trong kỳ} & \text{đầu kỳ} & \text{nhập trong kỳ} \\
 & & \text{bán trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp này tính toán dễ dàng nhưng cho kết quả mang tính chất tương đối vì chỉ phụ thuộc vào số lượng hàng nhập.

**) Tính giá hàng hóa xuất kho:*

Theo chuẩn mực kế toán hàng hóa, hàng hóa xuất kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp tính theo giá đích danh
- + Phương pháp tính bình quân gia quyền (BQGQ)
- + Phương pháp tính nhập trước xuất trước (FIFO)
- + Phương pháp tính nhập sau xuất trước (LIFO)

a) Phương pháp tính theo giá đích danh:

+)
+) Nội dung: Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập của lô hàng đó để tính.

+)
+) Ưu điểm: - Đơn giản và dễ tính toán

- Chi phí xuất bán phù hợp

- Phản ánh đúng giá trị của hàng tồn kho

+)
+) Nhược điểm: Đòi hỏi nhiều công sức nên không phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng.

+)
+) Phạm vi áp dụng: doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng hóa có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng hóa nhận diện được.

b) Phương pháp tính bình quân gia quyền:

Nội dung: Theo phương pháp này, giá trị của hàng hóa xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa tồn đầu kỳ và giá trị từng loại mua. Giá trị trung bình có thể tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập hàng hóa về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Giá trị thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x đơn giá thực tế bình quân

Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ:

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+) Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

+) Nhược điểm: - Độ chính xác không cao, công tác kế toán dồn vào cuối kỳ làm ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hàng khác.

- Chưa đáp ứng kịp thời thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+) Phạm vi áp dụng: Có thể áp dụng được cho tất cả loại hình doanh nghiệp.

Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn) :

Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

+) Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên.

+) Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần mất nhiều công sức.

+) Phạm vi áp dụng: phương pháp này rất thích hợp cho những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, có lưu lượng nhập xuất ít.

c) Phương pháp tính nhập trước xuất trước (FIFO):

+) Nội dung: hàng hóa nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của

những lần nhập sau cùng. Quy ước, hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên trong kỳ.

+) Ưu điểm: Thích hợp trong điều kiện giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể định giá hàng hóa xuất kho kịp thời.

+) Nhược điểm: Khối lượng tính toán lớn làm cho doanh thu thời điểm hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại.

+) Phạm vi áp dụng: Có thể áp dụng với doanh nghiệp có số lần nhập – xuất ít, chủng loại hàng hóa ít, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng loại hàng hóa theo từng lần nhập.

d) Phương pháp tính nhập sau xuất trước (LIFO):

+) Nội dung: hàng hóa nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Quy ước, hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên trong kỳ.

+) Ưu điểm: Thích hợp trong điều kiện đơn giá thực tế hàng hóa nhập kho trong từng lần tăng dần,

+) Nhược điểm: Khối lượng tính toán lớn. Trị giá vốn của hàng hóa cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

+) Phạm vi áp dụng: có thể áp dụng với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng loại hàng hóa theo từng lần nhập.

1.2: Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.

1.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại

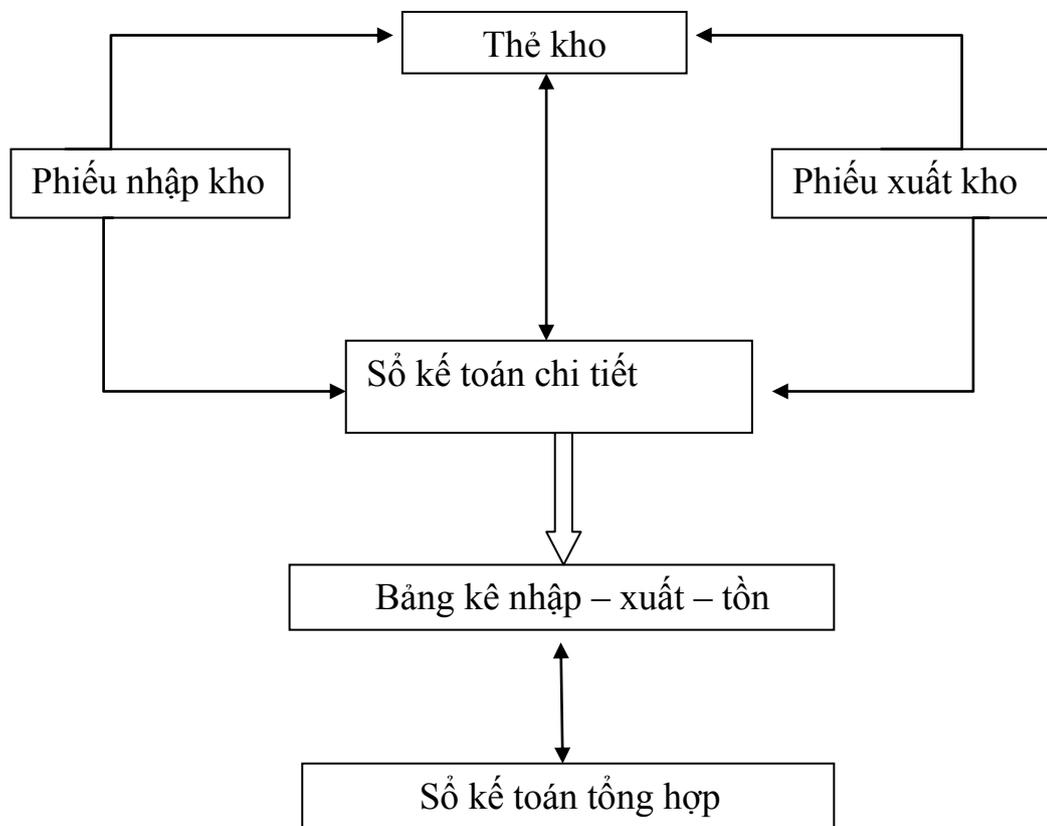
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm hàng hoá, ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho do kế toán lập rồi ghi vào sổ đăng ký thẻ kho trước khi giao cho thủ kho ghi chép. Thẻ kho được bảo quản trong hòm thẻ hay tủ nhiều ngăn, trong đó các thẻ kho được sắp xếp theo loại, nhóm, thứ (mặt hàng) của hàng hoá đảm bảo dễ tìm kiếm khi sử dụng.

Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập, xuất vật tư, hàng hoá thực tế phát sinh, thủ kho thực hiện việc thu phát vật tư, hàng hoá và ghi số lượng thực tế nhập, xuất vào chứng từ nhập, xuất. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vật tư, hàng hoá vào thẻ kho của thứ vật tư, hàng hoá có liên quan. Mỗi chứng từ được ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng hàng tồn kho để ghi vào cột “tồn” của thẻ kho. Cuối kỳ thủ kho căn cứ số liệu trên thẻ kho để đối chiếu với sổ chi tiết hàng hóa.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất kho cho từng thứ hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Định kỳ, nhân viên kế toán xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết hàng hóa. Mỗi chứng từ được ghi 1 dòng. Cuối tháng kế toán lập bảng kê nhập- xuất- tồn trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó đối chiếu với thẻ kho, sổ kế toán tổng hợp và số liệu kiểm kê thực tế.

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song

+) Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

+) Nhược điểm: Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá), ghi chép trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

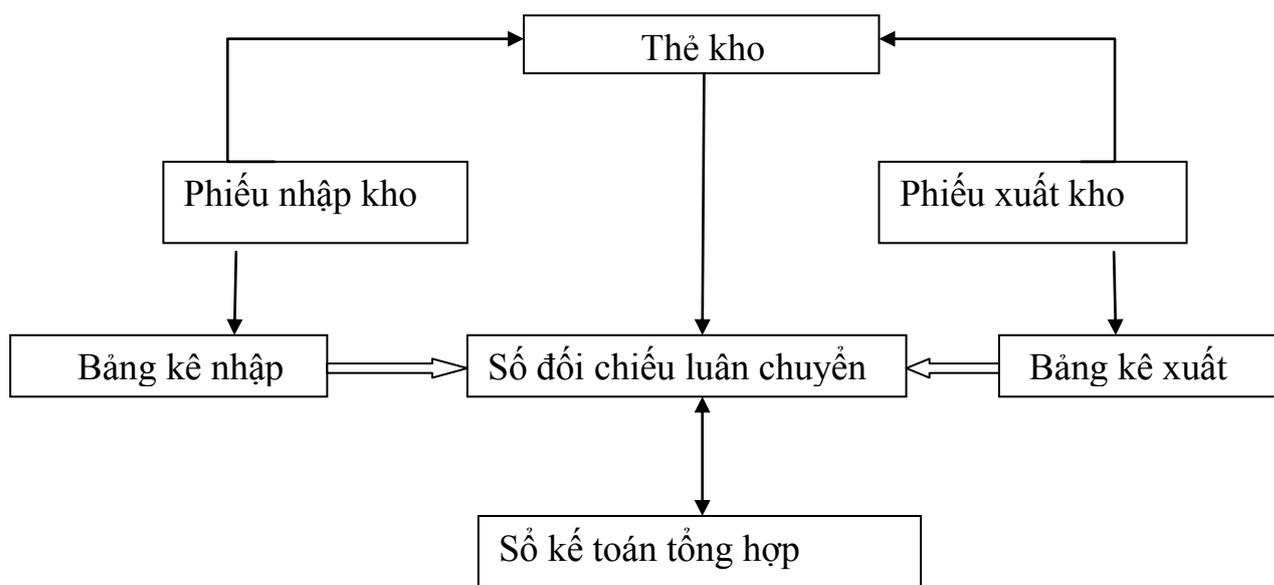
+) Điều kiện áp dụng: Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao.

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán : Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho từ thủ kho, kế toán thực hiện kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó, thực hiện tập hợp các chứng từ nhập, xuất theo từng thứ vật tư, hàng hoá (có thể lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hoá để thuận lợi cho việc theo dõi và ghi sổ đối chiếu luân chuyển cuối tháng). Sổ đối chiếu luân chuyển được kế toán mở cho cả năm và được ghi vào cuối mỗi tháng. Sổ được dùng để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, hàng hoá thuộc từng kho. Sổ theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu thành tiền trong cả tháng của hàng nhập, xuất, tồn kho. Mỗi thứ vật tư, hàng hoá được ghi một dòng trên sổ. Sau khi hoàn thành việc ghi sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với số liệu trên thẻ kho và số liệu trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển

+) Ưu điểm: Với phương pháp này khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

+) Nhược điểm: Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

– Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất hàng hoá thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.

– Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

– Theo phương pháp này, để lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho.

Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này.

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư:

+ Ở kho: Ngoài việc sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng (SL). Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, mở theo năm. Cuối mỗi tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ các thẻ kho. Trên sổ số dư hàng hoá được sắp xếp theo thứ, nhóm, loại. Mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, mỗi loại có dòng cộng loại.

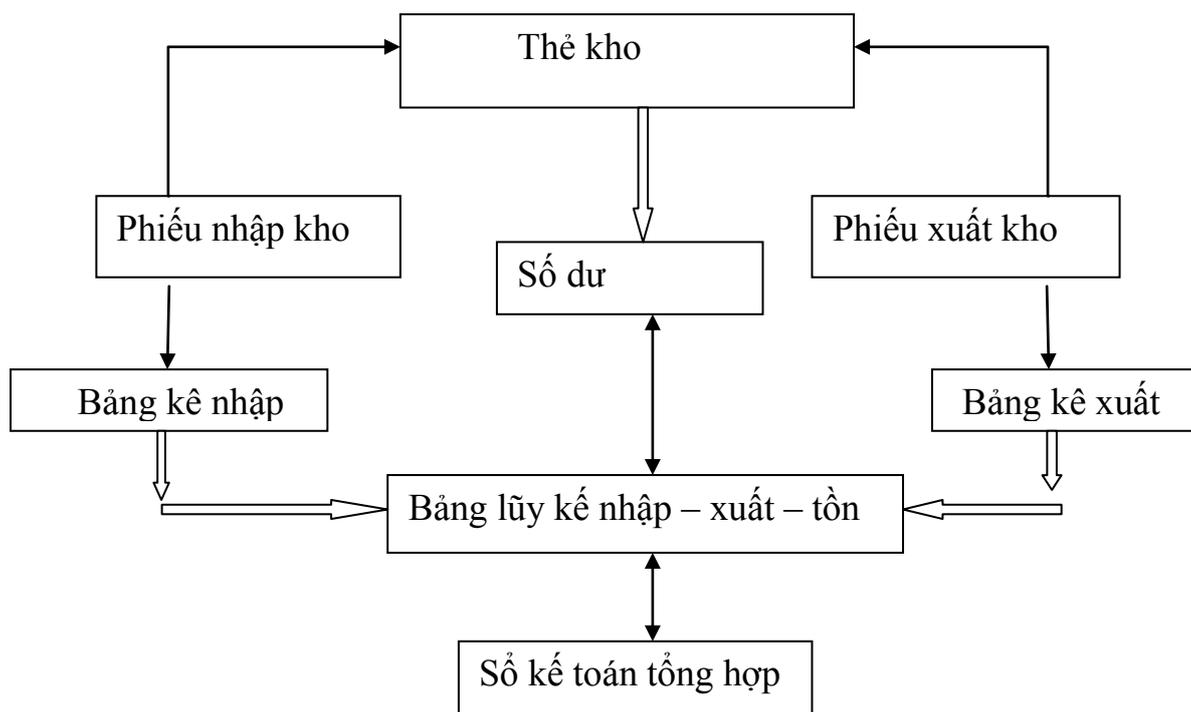
+ Ở phòng kế toán: Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau khi kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ rồi mang chứng từ về phòng kế toán.

Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị (giá hạch toán) của hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng nhập, xuất để ghi vào cột “thành tiền” của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu thành tiền trên phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng được ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất vật tư, hàng hoá.

Các bảng này mở theo từng kho hoặc nhiều kho (nếu các kho được chuyên môn hoá). Cuối tháng, cộng số liệu trên bảng lũy kế nhập, bảng lũy kế xuất hàng hoá để ghi vào các phần nhập, xuất trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho rồi tính ra số tồn kho cuối tháng của từng nhóm, loại hàng tồn kho và ghi vào cột “Tồn kho cuối tháng” của bảng kê này. Đồng thời, vào cuối tháng sau khi nhận được sổ số dư từ thủ kho chuyển lên, kế toán tính giá hạch toán của hàng tồn kho để ghi vào sổ số dư cột “thành tiền” (TT). Sau đó cộng theo nhóm, loại hàng hoá trên sổ số dư, số liệu này phải khớp với số liệu cột “tồn kho cuối tháng” của nhóm, loại vật tư, hàng hoá tương ứng trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho cùng kỳ.

Số liệu trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho còn được sử dụng để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp liên quan .

+ **Trình tự ghi sổ như sau:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư

+) Ưu điểm:

– Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của vật tư, hàng hoá theo nhóm và theo loại.

– Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản hàng trong kho của thủ kho.

– Công việc dàn đều trong tháng, nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ cho quản trị hàng hoá.

+) Nhược điểm:

– Do ở phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại hàng hoá vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất, hiện còn của thứ hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.

– Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về hàng hoá phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻ kho.

– Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

+ Điều kiện áp dụng:

– Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại hàng hóa hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất hàng hoá xảy ra thường xuyên.

– Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hoá hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý hàng hoá.

1.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+) Phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho hàng tồn kho trên sổ kế toán.

+) Với phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản hàng tồn kho (Loại 15...) được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của hàng hoá. Do vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng hoá tồn kho, so sánh với số liệu hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số liệu tồn kho thực tế luôn luôn phù hợp với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải xác định nguyên nhân và xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Quá trình hoạt động giữa kế toán, thủ kho và phòng kinh doanh được diễn ra liên tục thông qua việc giao nhận các chứng từ.

+) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK3/001)

- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá.
- Một số giấy tờ liên quan khác.

+) Tài khoản sử dụng:

◆ TÀI KHOẢN 156 - HÀNG HOÁ

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

Bên Nợ TK 156:

- Trị giá mua vào của hàng hoá theo hoá đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hoá;
- Trị giá của hàng hoá thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công);
- Trị giá hàng hoá đã bán bị người mua trả lại;
- Trị giá hàng hoá phát hiện thừa khi kiểm kê;
- Bất động sản mua vào
- Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

Bên Có TK 156:

- Trị giá của hàng hoá xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc; thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá đã bán trong kỳ;
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng;
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;
- Trị giá hàng hoá trả lại cho người bán;
- Trị giá hàng hoá phát hiện thiếu khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá hàng hoá tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- Trị giá hàng hoá bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá tồn kho;

- Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho.

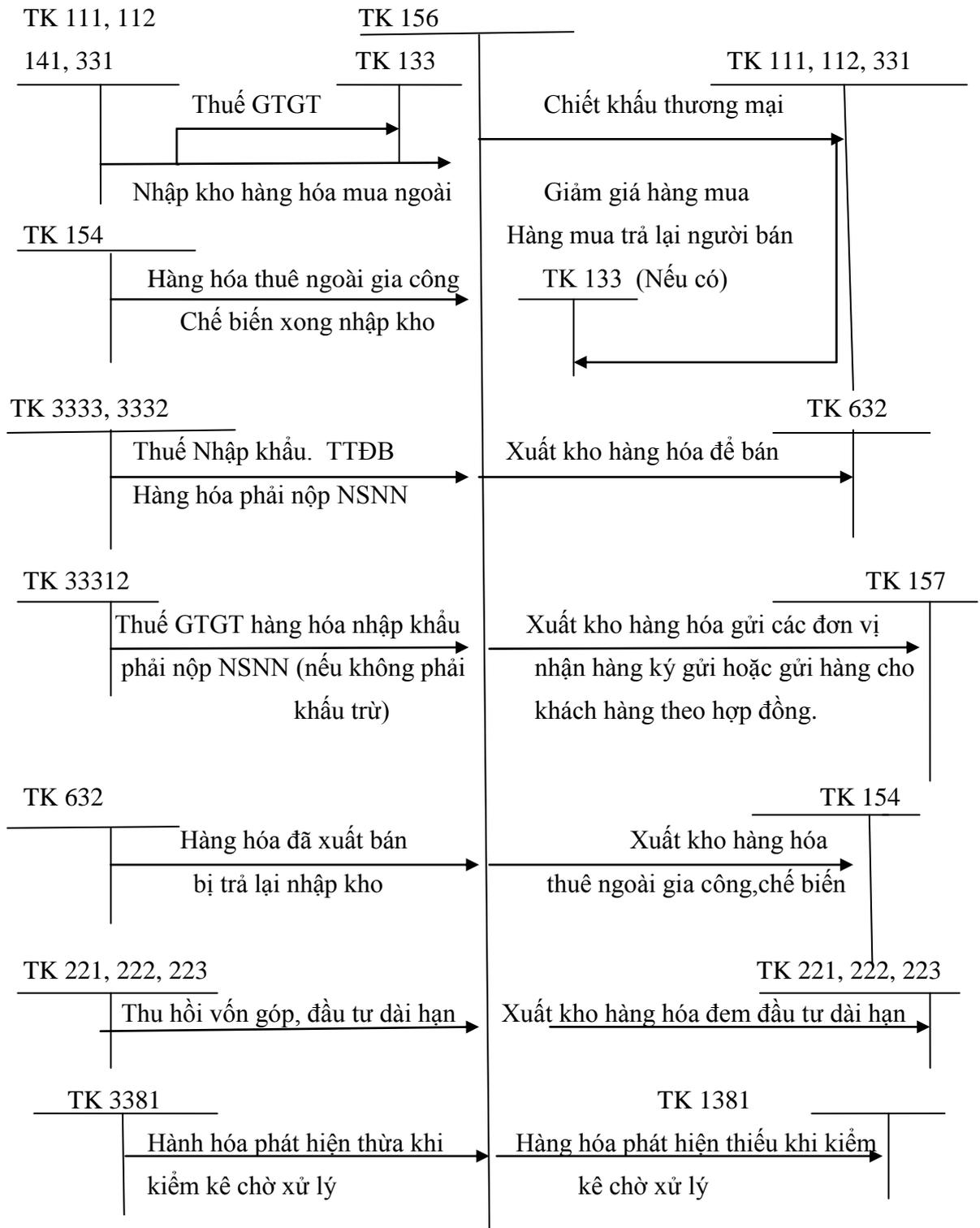
*)Tài khoản 156 - Hàng hoá, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1561 - Giá mua hàng hoá:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hoá mua vào và đã nhập kho (Tính theo trị giá mua vào).

- *Tài khoản 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá:* Phản ánh chi phí thu mua hàng hoá phát sinh liên quan tới số hàng hoá đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hoá hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hoá đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hoá hạch toán vào tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hoá như: Chi phí bảo hiểm hàng hoá, tiền thuê kho, thuê bến bãi, . . . chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hoá từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hoá.

- *Tài khoản 1567 - Hàng hoá bất động sản:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá bất động sản của doanh nghiệp.

❖ Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán TK 156 theo phương pháp kê khai thường xuyên:



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị của hàng} & & \text{Giá trị của} & & \text{Giá trị của} & & \text{Giá trị của} \\ \text{hóa xuất trong} & = & \text{hàng hóa} & + & \text{hàng hóa nhập} & - & \text{hàng hóa} \\ \text{kỳ} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi nhập hàng bắt buộc phải ghi chi tiết, kịp thời; còn khi xuất ra để bán, sử dụng thì không cần ghi theo thời điểm xuất nhưng đến cuối tháng bắt buộc phải kiểm kê thực tế hàng tồn kho để tính giá trị hàng xuất.

+ Tài khoản kế toán sử dụng:

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và theo dõi số dư cuối kỳ. Kế toán phản ánh tính hình nhập hàng, việc được giảm giá hàng mua, được hưởng chiết khấu mua hàng, và hàng xuất trả lại vào tài khoản 611. Cụ thể, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản được sử dụng ở phương pháp này như sau:

+ Tài khoản 611 "Mua hàng" (tiểu khoản 6112 - Mua hàng hoá):

Tài khoản này để phản ánh giá trị hàng hoá mua vào và tăng thêm do các nguyên nhân khác trong kỳ.

Tài khoản 6112 "Mua hàng hoá" có nội dung phản ánh như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kỳ
- Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quầy, tồn gửi bán cho khách hàng, tồn đơn vị bán, đại lý ký gửi...)

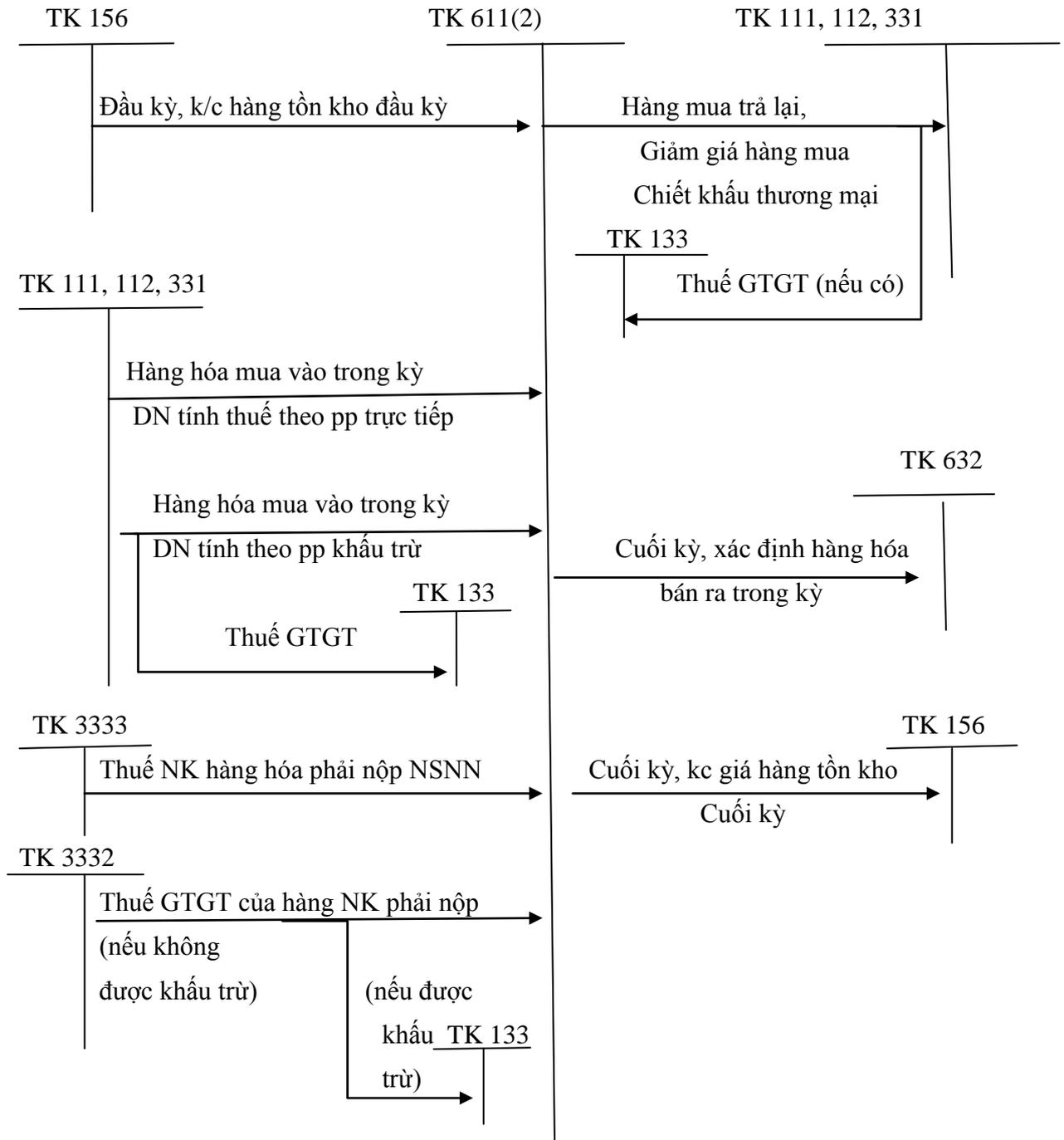
Bên Có:

- Trị giá vốn của hàng hóa tồn cuối kỳ.
- Giảm giá hàng hóa mua và chiết khấu thương mại được hưởng

- Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. (Ghi ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê).

- TK này cuối kỳ không có số dư

❖ **Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



1.3: Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Theo chuẩn mực 02 - Hàng tồn kho ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Sự cần thiết phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc "thận trọng" của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nội dung kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá là sự xác nhận về phương diện kế toán một khoản giảm giá trị tài sản do những nguyên nhân mà hậu quả của chúng không chắc chắn.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính nhằm ghi nhận bộ phận giá trị thực tế giảm sút so với giá gốc (giá thực tế của hàng tồn kho) nhưng chưa chắc chắn. Qua đó, phản ánh được giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

Giá trị thực hiện thuần túy = Giá gốc của - Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho

- Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hoá, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hoá này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mức dự phòng cần lập = số lượng hàng tồn kho x mức giảm giá của năm tới cho hàng tồn kho cuối niên độ hàng tồn kho

Để phản ánh tình hình trích lập dự phòng và xử lý khoản tiền đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159. "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho".

* Nội dung: Dùng để phản ánh toàn bộ giá trị dự tính bị giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nợ các tài khoản lỗ hay phí tổn có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn, tài khoản 159 mở cho từng loại hàng tồn kho.

* Kết cấu TK 159.

- Bên nợ: Hoàn nhập số dư phòng cuối niên độ trước.
- Bên có: Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dư có: Phản ánh số trích lập dự phòng hiện có.

* Phương pháp kế toán vào tài khoản này như sau.

+ Cuối niên độ, kế toán doanh nghiệp tính toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Doanh nghiệp áp dụng TK 159(3): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (QĐ 48/2006 – BTC, ngày 14/09/2006)

Ghi Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159(3): Số trích lập dự phòng

+ Cuối niên độ kế toán tiếp theo, so sánh dự phòng năm cũ còn lại với số dư phòng cần trích lập cho niên độ mới, nếu số dư phòng còn lại lớn hơn số dư phòng cần lập cho niên độ mới, kế toán tiến hành hoàn nhập số chênh lệch lớn hơn bằng cách ghi giảm giá vốn hàng tồn kho.

Nợ TK 159(3)(chi tiết từng loại)- hoàn nhập dự phòng còn lại.

Có TK 632: Giảm giá vốn hàng bán.

Ngược lại, nếu số dư phòng còn lại nhỏ hơn số dư phòng cần lập cho niên độ mới kế toán tiến hành trích lập số chênh lệch lớn hơn

Nợ TK 632: Ghi tăng giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ.

Có TK 159(3): Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 giảm giá vốn hàng bán.

1.4: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung
- + Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, mối quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự và phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

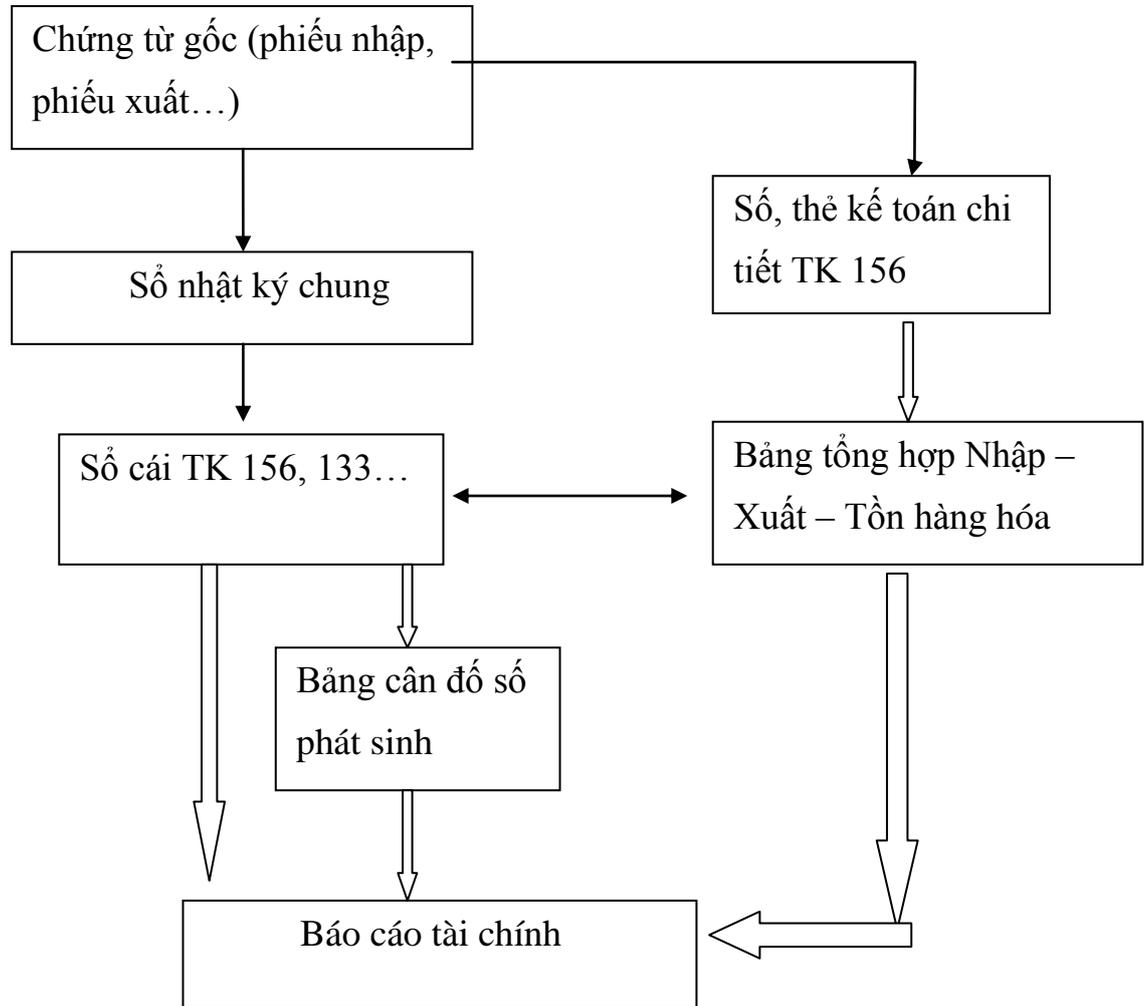
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:

+Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

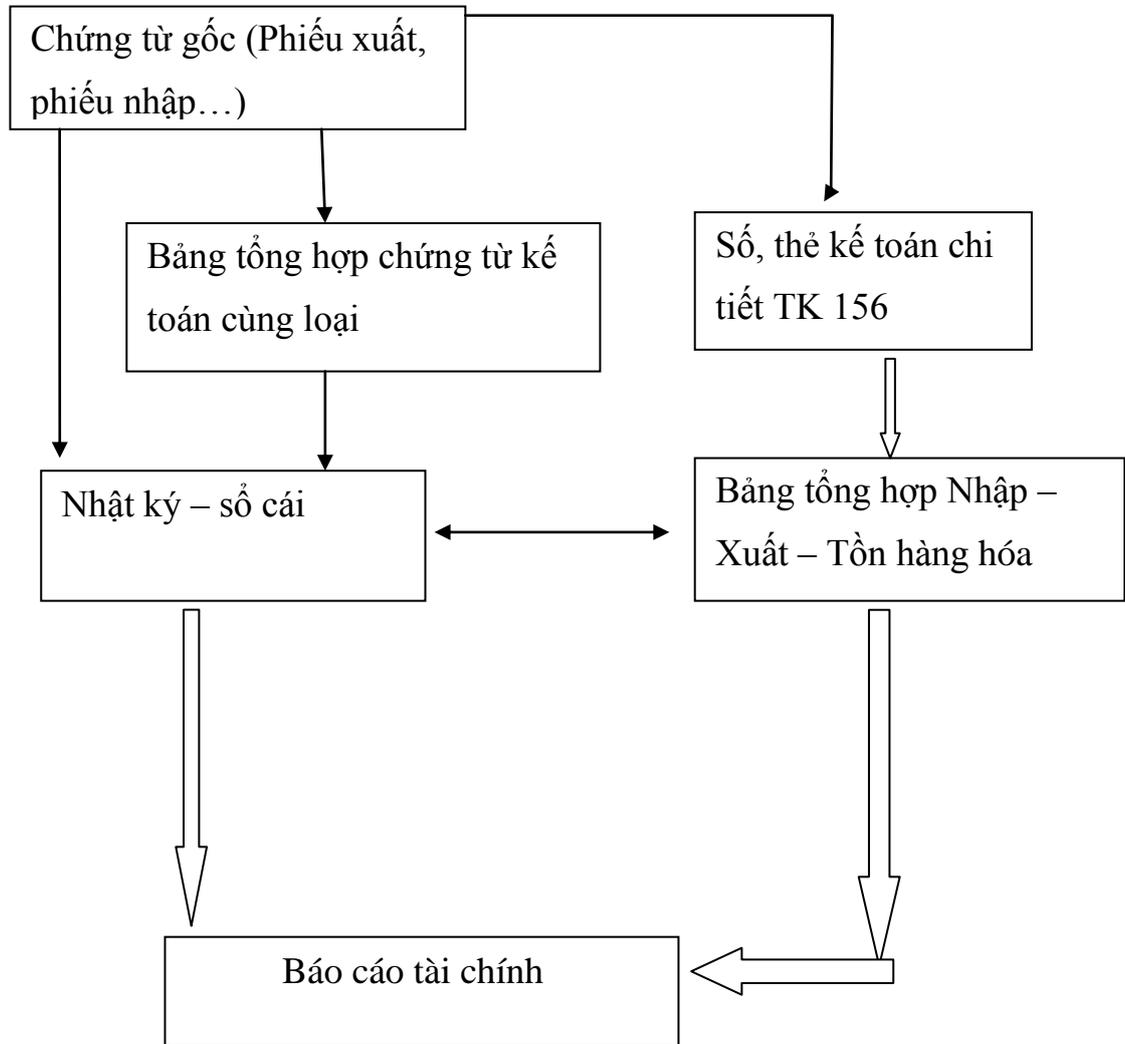
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

+Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

+ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

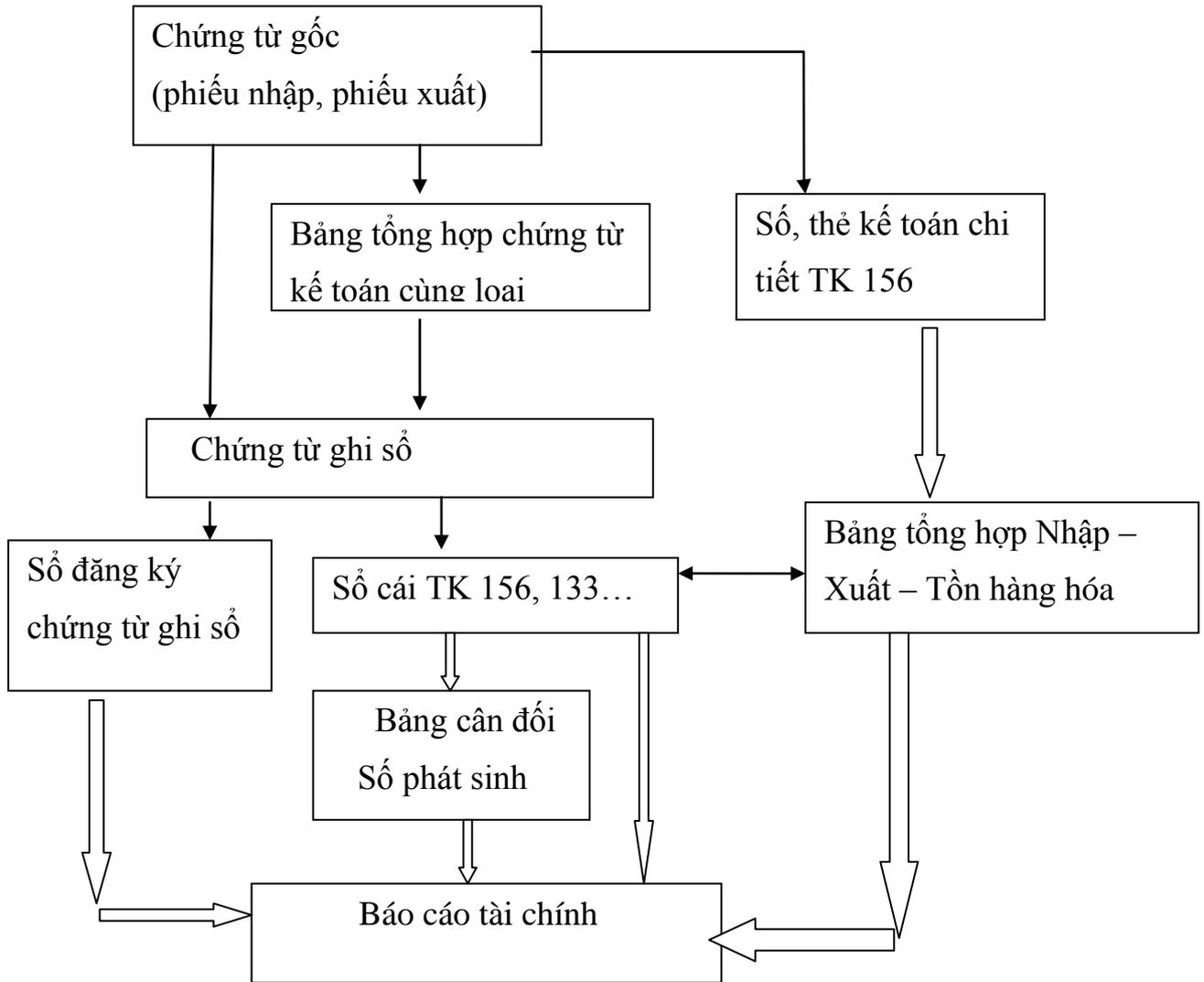
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

❖ Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

+ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

+ Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

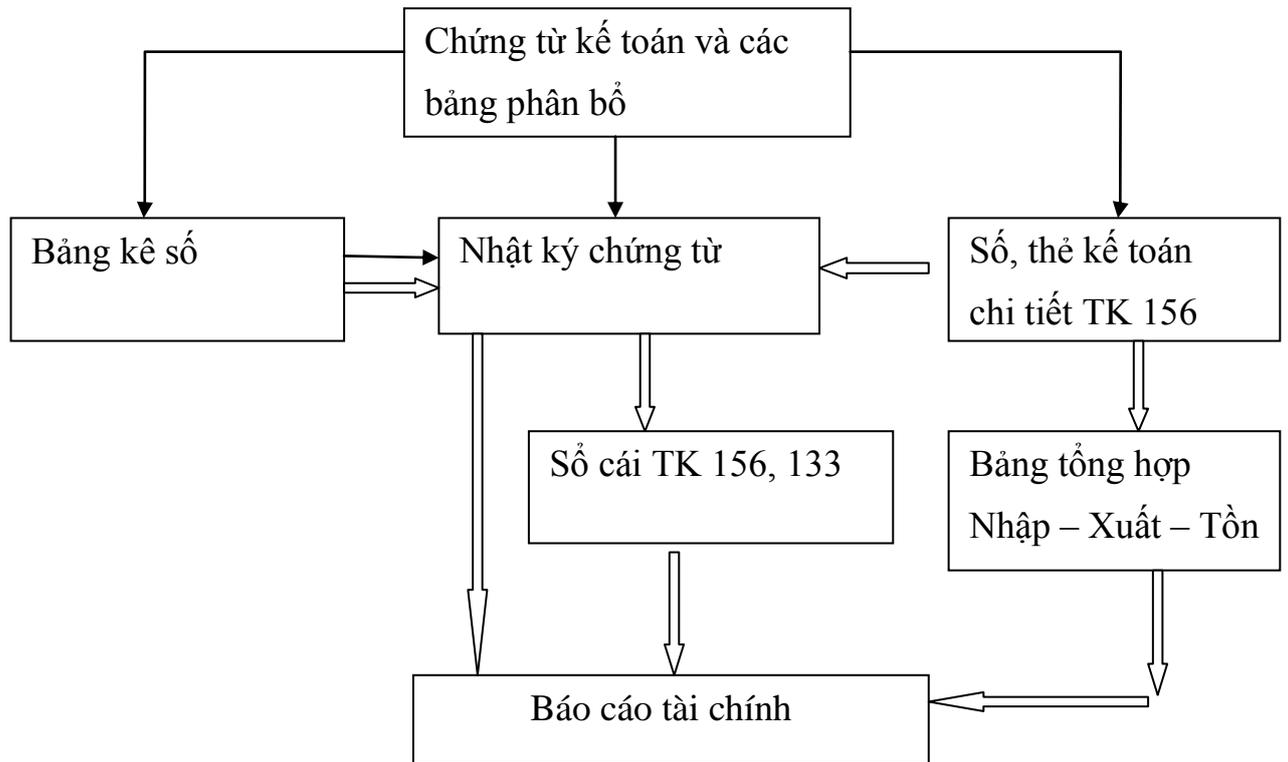
Nhật ký chứng từ;

Bảng kê;

Sổ Cái;

Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

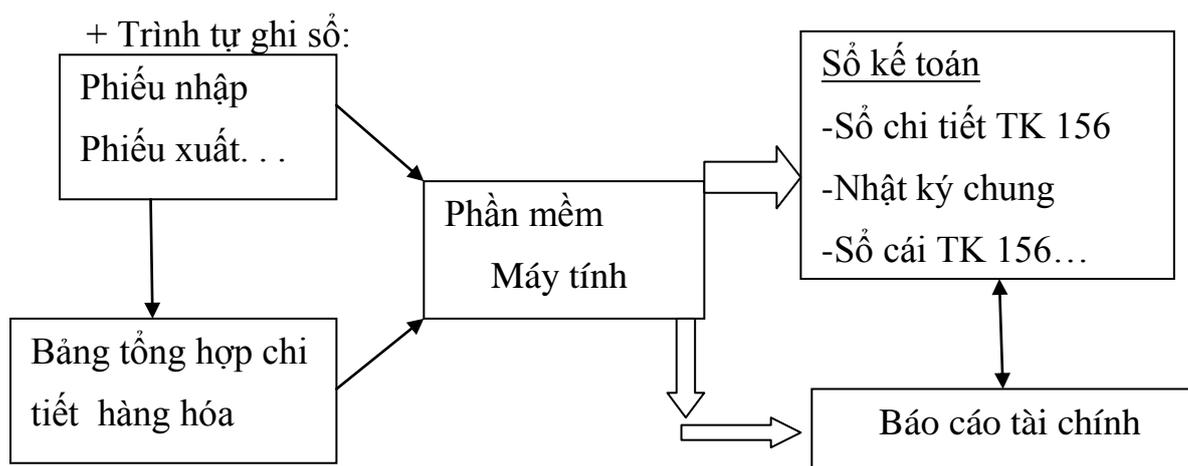
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính:

+ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

+ Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

❖ **Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH

2.1: Khái quát chung về công ty Cổ phần Bình Minh

2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Bình Minh

Địa điểm: Xóm Chợ Tổng, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 031.3975729

Email: congtycophanbinhminh@gmail.com

Công ty Cổ phần Bình Minh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000186 ngày 27/4/2002 do ông Phạm Thế Ánh làm giám đốc.

Mã số thuế 0200453751

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch ốp chân tường, đá ốp tường, đá ốp nền, gạch, ngói...

2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh:

a) Hình thức pháp lý:

Công ty Cổ phần Bình Minh là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

-Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp.

-Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước.

-Quản lý sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.

-Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước.

-Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

-Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển

bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như quy định có liên quan đến hoạt động của công ty.

Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có các quyền hạn sau:

-Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng sản xuất kinh doanh. Giám đốc công ty là người đại diện về quyền lợi, nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

-Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng.

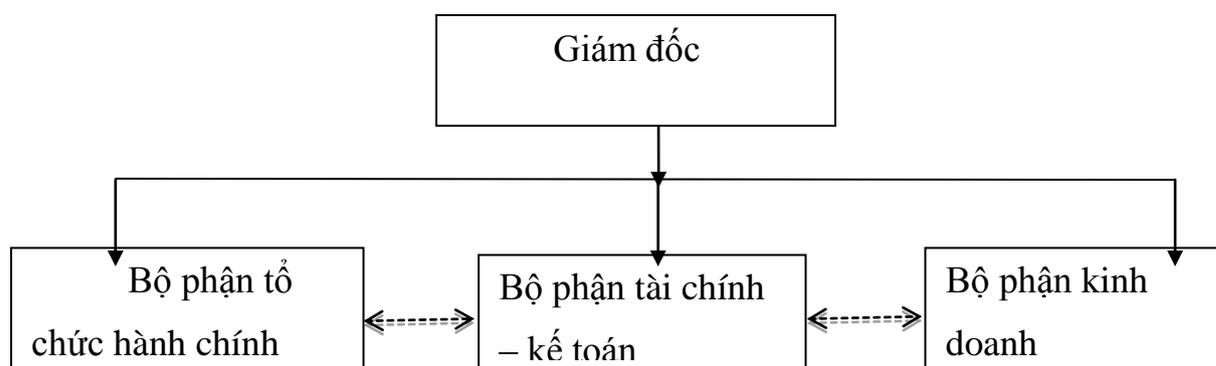
-Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng trong và ngoài nước.

b) Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch ốp chân tường, đá ốp tường, đá ốp nền, gạch, ngói...

2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý:

Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt hiệu quả cao. Đồng thời đảm bảo tình hình tài chính của Công ty được hoạt động bình thường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua Công ty đã kiện toàn lại bộ máy quản lý sắp xếp lại các bộ phận một cách khoa học.

+ Sơ đồ mô hình bộ máy quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Bình Minh

+ Giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của các phòng ban của công ty. Là người có quyết định cao nhất về quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

+Bộ phận tổ chức hành chính: thực hiện các công việc liên quan tới cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý cán bộ công nhân viên, là nơi tiếp nhận và chuyển giao công văn giấy tờ, quản lý hồ sơ lao động giải quyết các vấn đề về tiền lương và quyền lợi của người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước về công ty

+Bộ phận Tài chính – Kế toán: Nhiệm vụ của phòng là thực hiện công tác về kế toán của công ty như điều hòa phân phối tổ chức sử dụng vốn và nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh dưới hình thức chỉ tiêu đầu ra và đầu vào, phân phối

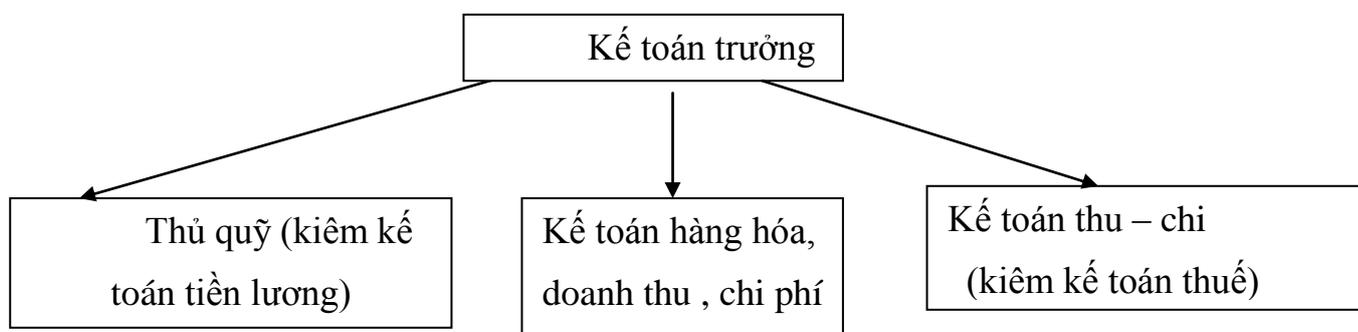
+Bộ phận kinh doanh: Xây dựng và thi hành kế hoạch kinh doanh.

2.1.4: Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Bình Minh:

2.1.4.1: Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của doanh nghiệp. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ công việc ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ Tài chính, cung cấp một cách đầy đủ chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó tham mưu cho Giám đốc đề ra biện pháp, các quy định phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.

+ Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp:



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Bình Minh

*) Kế toán trưởng: với chức năng quản lý chỉ đạo phụ trách chung mọi hoạt động, các nghiệp vụ hạch toán của công ty, phân tích mọi hoạt động kinh tế, phân công chỉ đạo trực tiếp các nhân viên trong phòng. Kiểm tra và ký duyệt chứng từ, lập báo cáo, báo cáo các đơn vị cấp trên, làm báo cáo tài chính của toàn công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ công việc của mình.

*) Kế toán tiền lương (kiêm thủ quỹ):

+) Kế toán tiền lương: Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian kết quả lao động, tính lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động. Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp, phụ cấp cho người lao động. Lập các báo cáo về lao động, tiền lương như Bảng tính lương tháng, Bảng tổng hợp chi trả lương phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước và của doanh nghiệp.

+) Thủ quỹ: Có nhiệm vụ phản ánh thu chi tiền mặt hàng ngày, hàng tháng. Thường xuyên đối chiếu với kế toán thu chi tiền mặt, đối chiếu tiền mặt thực tế với sổ sách, phát hiện sai sót trong việc sử dụng tiền mặt và báo cáo lãnh đạo để giải quyết kịp thời. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công việc đảm trách.

*) Kế toán thu chi (kiêm kế toán thuế):

+) Kế toán thu chi: thu nhận các chứng từ thanh toán trong ngày, đồng thời theo dõi tính lương cho các cán bộ quản lý văn phòng, theo dõi doanh thu của công ty. Theo dõi TK TGNH các khoản vay ngân hàng.

+) Kế toán thuế: Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh. Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra. Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ

*) Kế toán hàng hóa, doanh thu, chi phí: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa. Theo dõi chi phí hoạt động của công ty, tình hình lãi lỗ.

=>Giữa các phần hành kế toán có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ, đảm bảo tính thống nhất về phương pháp tính toán và ghi chép từ đó tạo điều kiện cho việc kiểm

tra, đối chiếu được dễ dàng, phát hiện nhanh chóng các sai sót để kịp thời sửa chữa.

2.1.4.2: Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp:

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng đồng Việt Nam trong ghi chép và hạch toán
 - Khi qui đổi đồng tiền khác căn cứ vào tỷ giá ngoại tệ do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
3. Chế độ kế toán áp dụng: theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.
4. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.
5. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo trị giá gốc.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Tính giá xuất kho: Bình quân cả kỳ dự trữ
6. Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
7. Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty:

- Áp dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
 - Áp dụng theo bảng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 48/2006 ngày 14 tháng 09 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4: Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

+) Quy trình hạch toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Bình Minh:

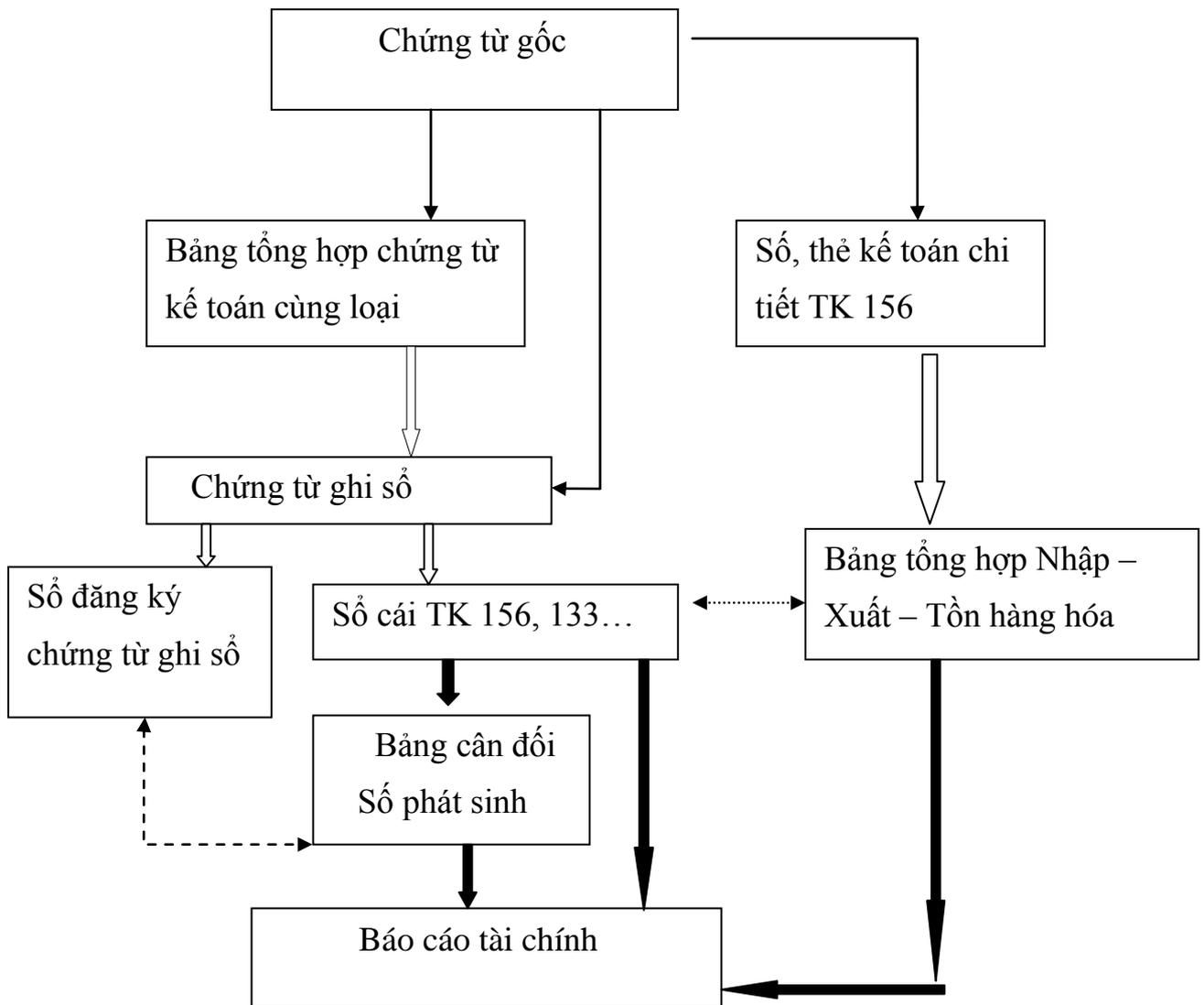
Hàng ngày, từ các chứng từ ghi sổ như phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu thu, phiếu chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 156.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 156. Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 156.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết, kế toán lập báo cáo tài chính (BCTC).

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇨ Ghi cuối tháng
- ⇩ Ghi cuối năm
- ⇄ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty cổ phần Bình Minh

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu: B01 – DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu: B02 – DNN)
- Bảng lưu chuyển tiền tệ (Mẫu: B03 – DNN)

- Bảng cân đối số phát sinh (Mẫu: F01 – DNN)
- Thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu: B09 – DNN)
- Các Báo cáo quản trị của công ty

2.2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh

2.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh

2.2.1.1. Thủ tục nhập xuất

+Thủ tục nhập kho hàng hoá:

Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua hàng lên Giám đốc xét duyệt. Nhân viên phòng kinh doanh đi mua hàng, có trách nhiệm nhận hàng đầy đủ và mang hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa về công ty. Hàng hóa được vận chuyển về kho của công ty (công ty tự vận chuyển hoặc thuê ngoài)

Tại kho, kế toán hàng hóa, doanh thu – chi phí: kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và tiến hành nhập kho. Sau khi kiểm tra về tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT của hàng mua về, kiểm tra số lượng cùng loại, quy cách hàng hóa. Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, 1 liên lưu lại cuống thủ kho giữ, sử dụng để ghi vào thẻ kho, 1 liên phòng kế toán sử dụng ghi chép vào sổ sách kế toán.

Cách tính giá hàng hóa nhập kho:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tại công ty chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn.

Ví dụ 1: Hóa đơn số 0000985, ngày 12/12/2014, mua đá ốp tường của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn. Công ty đã trả tiền mặt cho bên bán. VAT 10%

Tổng giá thực tế nhập kho:

$$\begin{aligned} & 30 \times 150.000 + 45 \times 110.000 + 25 \times 130.000 \\ & = 4.500.000 + 4.950.000 + 3.250.000 = 12.700.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

*) Thủ tục nhập kho hàng tại công ty Cổ phần Bình Minh như sau:

+ Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, phòng kinh doanh lập kế hoạch mua hàng hoá.

+ Sau khi tham khảo bảng báo giá của các bên đối tác, Bà Lê Thị Viện - nhân viên phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký duyệt.

+ Sau khi thông qua quyết định mua hàng, giám đốc sẽ trực tiếp ký hợp đồng mua bán.

+ Sau đó Bà Lê Thị Viện đi mua các loại đá ốp tường (hoá đơn 0000985-của Công ty cổ phần Ngọc Sơn). Bà Viện giao hàng cho thủ kho là Bà Nguyễn Thị Linh

+ Tại kho, Bà Nguyễn Thị Linh - Thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá và nhập hàng vào kho.

Sau đó Bà Linh kiểm tra tính hợp pháp của hoá đơn GTGT số 0000985 (biểu số 2.1), biên bản giao nhận hàng hoá (biểu số 2.2) và lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3).

+ Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, 1 liên lưu tại quyên thủ kho giữ sử dụng để vào thẻ kho, 1 liên phòng kế toán giữ làm căn cứ ghi sổ kế toán

+ Bà Lê Thị Viện mang bộ chứng từ gồm hoá đơn mua hàng, biên bản giao nhận hàng hoá và phiếu nhập kho gửi về phòng kế toán để tiến hành ghi sổ kế toán..

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:01GTKT3/001		
Liên 2: Giao người mua			Ký hiệu: AB/14P		
Ngày 12 tháng 12 năm 2014			Số: 0000985		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Ngọc Sơn					
Mã số thuế:0200457298					
Địa chỉ: Lưu Kỳ - Thủy Nguyên – Hải Phòng					
ĐT: (+84)031.3915.370					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh					
Mã số thuế: 0200453751					
Địa chỉ: Lưu Kiếm - Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá ốp tường 10x30 (Đ3528)	thùng	30	150.000	4.500.000
2	Đá ốp tường 10x20 (Đ3526)	Thùng	45	110.000	4.950.000
3	Đá ốp tường 10x25 (Đ3527)	Thùng	25	130.000	3.250.000
Cộng tiền hàng					12.700.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.270.000
Tổng cộng tiền thanh toán					13.970.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.1. Hoá đơn GTGT

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2014

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Bình Minh

- Địa chỉ: Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3975729

Fax:

- Đại diện: Bà Lê Thị Viện Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B(Bên giao hàng) Công ty Cổ phần Ngọc Sơn

- Địa chỉ: Lưu Kỳ - Thủy Nguyên - Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3915370

Fax:

- Đại diện:

Ông: Tô Văn Duyên Chức vụ: Trưởng cơ sở

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Đá ốp tường 10x30	Đ3528	thùng	30
2	Đá ốp tường 10x20cm	Đ3526	thùng	45
3	Đá ốp tường 10x25	Đ3527	thùng	25

Kèm theo chứng từ:

1. Hoá đơn giá trị gia tăng
2. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá:

Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.2. Biên bản giao nhận hàng hoá

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh**Mẫu số:** 01- VT**Bộ phận:** Tổng kho

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2014

Số :20/12

- Họ và tên người giao: Tô Văn Duyên

- Theo: HĐ GTGT số 0000985 Ngày 12 tháng 12 năm 2014

- Nhập tại kho: Tổng kho hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá ốp tường 10x30 cm	Đ3528	thùng	30	30	150.000	4.500.000
2	Đá ốp tường 10x20 cm	Đ3526	thùng	45	45	110.000	4.950.000
3	Đá ốp tường 10x25 cm	Đ3527	thùng	25	25	130.000	3.250.000
	Cộng						12.700.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Số chứng từ kèm theo: 01 HĐ GTGT số 0000985

Ngày 12 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
trưởng**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho

Ví dụ 2: Hóa đơn số 0001210, ngày 25/12/2014, mua gạch ốp chân tường của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc. VAT 10%. Chưa trả tiền cho người bán.

Tổng giá thực tế nhập kho là:

$$15 \times 400.000 + 30 \times 408.000 + 15 \times 405.000 \\ = 6.000.000 + 12.240.000 + 6.075.000 = 24.315.000 \text{ đồng}$$

*) Thủ tục nhập kho hàng tại công ty Cổ phần Bình Minh như sau:

+ Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, phòng kinh doanh lập kế hoạch mua hàng hoá.

+ Sau khi tham khảo bảng báo giá của các bên đối tác, Bà Lê Thị Viện - nhân viên phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký duyệt.

+ Sau khi thông qua quyết định mua hàng, giám đốc sẽ trực tiếp ký hợp đồng mua bán.

+ Sau đó Bà Lê Thị Viện đi mua gạch (hoá đơn 0001210-của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc). Bà Viện giao hàng cho thủ kho là Bà Nguyễn Thị Linh

+ Tại kho, Bà Nguyễn Thị Linh - Thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá và nhập hàng vào kho.

Sau đó Bà Linh kiểm tra tính hợp pháp của hoá đơn GTGT số 0001210 (biểu số 2.4), biên bản giao nhận hàng hoá (biểu số 2.5) và lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.6).

+ Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, 1 liên lưu tại quyền thủ kho giữ sử dụng để vào thẻ kho, 1 liên phòng kế toán giữ làm căn cứ ghi sổ kế toán

+ Bà Lê Thị Viện mang bộ chứng từ gồm hoá đơn mua hàng, biên bản giao nhận hàng hoá và phiếu nhập kho gửi về phòng kế toán để tiến hành ghi sổ kế toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 25 tháng 12 năm 2014			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AB/14P Số: 0001210		
Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc Mã số thuế: 0200424603 Địa chỉ: Gia Minh - Thủy Nguyên – Hải Phòng ĐT: (+84)031.3975.719 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh Mã số thuế: 0200453751 Địa chỉ: Lưu Kiếm - Thủy Nguyên – Hải Phòng Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch ốp chân tường 85x50 cm(MJ321)	thùng	15	400.000	6.000.000
2	Gạch ốp chân tường 85x50 cm(TK214)	thùng	30	408.000	12.240.000
3	Gạch ốp chân tường 85x50 cm(MK215)	Thùng	15	405.000	6.075.000
Cộng tiền hàng					24.315.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					2.431.500
Tổng cộng tiền thanh toán					26.746.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.4. Hoá đơn GTGT

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2014

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Bình Minh

- Địa chỉ: Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3975729

Fax:

- Đại diện: Bà Lê Thị Viện Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B(Bên giao hàng) Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc

- Địa chỉ: Gia Minh - Thủy Nguyên - Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3975719

Fax:

- Đại diện:

Ông: Vũ Văn Hòa Chức vụ: Trưởng cơ sở

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	MJ321	thùng	15
2	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	TK214	thùng	30
3	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	MK215	thùng	15

Kèm theo chứng từ:

3. Hoá đơn giá trị gia tăng

4. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá:

Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 25. Biên bản giao nhận hàng hoá

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh**Mẫu số:** 01- VT**Bộ phận:** Tổng kho

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2014

Số : 42/12

- Họ và tên người giao: Vũ Văn Hòa

- Theo: HĐ GTGT số 0001210 Ngày 25 tháng 12 năm 2014

- Nhập tại kho: Tổng kho hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	MJ321	Thùng	15	15	400.000	6.000.000
2	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	TK214	Thùng	30	30	408.000	12.240.000
3	Gạch ốp chân tường 85x50 cm	MK215	Thùng	15	15	405.000	6.075.000
	Cộng						24.315.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu ba trăm mười lăm nghìn chẵn

Số chứng từ kèm theo: 01 HĐ GTGT số 0001210

Ngày 25 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Người giao hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.6. Phiếu nhập kho

+Thủ tục xuất kho hàng hoá:

Công ty Cổ phần Bình Minh là công ty thương mại, nên mọi hàng hóa xuất kho đều phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán.

Khi có khách mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho do thủ kho lập được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống thủ kho giữ sử dụng để ghi thẻ kho
- Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hoá. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và lập biên bản giao nhận hàng hoá.

* Cách tính giá hàng xuất kho

Công ty đã áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để tính giá hàng hoá xuất kho. Hàng hoá xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ}} + \frac{\text{Giá trị thực tế hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng hoá xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại hàng hoá xuất kho}$$

Ví dụ 3: Ngày 15/12/2014, xuất bán hàng cho Công ty cổ phần xây dựng Miền Núi, theo phiếu xuất kho số 20/12, ngày 15 tháng 12 năm 2014, hóa đơn GTGT số 0000986. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Công ty cổ phần Bình Minh tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên khi xuất kho trên phiếu xuất chỉ ghi số lượng hàng hóa xuất kho còn trị giá hàng hóa xuất kho sẽ được xác định vào thời điểm cuối tháng. Như vậy trị giá của hàng hóa xuất kho trong ví dụ trên được tính vào cuối tháng như sau:

(1) Đá ốp tường 10x30 cm (Đ3528).

+Tồn đầu kỳ: 15 thùng, đơn giá là 148.000 đồng/thùng

+ Tình hình nhập trong kỳ của Đá ốp tường 10x30 cm (Đ3528):

- Tổng số lượng hàng nhập trong tháng: 350 thùng

- Tổng trị giá hàng nhập trong tháng: 52.500.000 đồng

$$+ \text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{15 \times 148.000 + 52.500.000}{15 + 350}$$

Tính đến ngày 31/12/2014

$$= 149.920 \text{ đồng/thùng}$$

- Ngày 15/12/2014 xuất kho 40 thùng theo phiếu xuất kho số 20/12

$$\Rightarrow \text{Trị giá xuất 40 thùng} = 149.920 \times 40 = 5.996.800 \text{ đồng}$$

(2) Đá ốp tường 10x25 cm (Đ3527).

+Tồn đầu kỳ: 10 thùng, đơn giá là 125.000 đồng/thùng

+ Tình hình nhập trong kỳ của Đá ốp tường 10x25 cm (Đ3527):

- Tổng số lượng hàng nhập trong tháng: 285 thùng

- Tổng trị giá hàng nhập trong tháng: 37.250.000 đồng

$$+ \text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{10 \times 125.000 + 37.250.000}{10 + 285}$$

Tính đến ngày 31/12/2014

$$= 130.508 \text{ đồng/thùng}$$

- Ngày 15/12/2014 xuất kho 28 thùng theo phiếu xuất kho số 20/12

$$\Rightarrow \text{Trị giá xuất 28 thùng} = 130.508 \times 28 = 3.654.224 \text{ đồng}$$

$$\Rightarrow \text{Tổng trị giá xuất kho ngày 15/12/2014: } 5.996.800 + 3.654.224 = 9.651.024 \text{ đồng}$$

*)Thủ tục xuất khotại công ty Cổ phần Bình Minh:

- Sau khi nhận được đơn hàng của công ty Cổ phần xây dựng Miền Núi, Bà Lê Thị Viện chuyển đơn hàng sang cho thủ kho

- Bà Nguyễn Thị Linh- thủ kho kiểm tra lại lượng hàng hoá và lập phiếu xuất kho số 25/12(biểu số 2.8).

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại cuống, thủ kho giữ

+ Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

- Căn cứ vào phiếu xuất kho tiến hành xuất kho.

- Kế toán theo phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT số 0000986, sau đó đưa giám đốc ký duyệt. Đồng thời kế toán lập biên bản giao nhận hàng hoá (biểu số 2.8)

- Bà Linh ký phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hoá và giao các loại đá ốp tường cho người mua hàng của công ty Cổ phần xây dựng Miền Núi. Kế toán giao hoá đơn GTGT cho khách hàng.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh**Mẫu số:** 02- VT**Địa chỉ:** Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng**Bộ phận:** Tổng kho

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2014

Số : 20/12

- Họ và tên người nhận: Vũ Văn Hiệp

- Theo: Yêu cầu xuất kho thực tế ngày 15 tháng 12 năm 2014

- Nhập tại kho: Tổng kho hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá ốp tường 10x30 cm(Đ3528)		Thùng	40	40		
2	Đá ốp tường 10x25cm(Đ3527)		Thùng	28	28		
	Cộng						

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 15 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2014

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần xây dựng Miền Núi

- Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3692577

Fax:

- Đại diện: Ông Vũ Văn Hiệp

Chức vụ:

Bên B(Bên giao hàng) Công ty cổ phần Bình Minh

- Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3975729

Fax:

- Đại diện:

Ông: Lê Thị Viện

Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Đá ốp tường 10x30 cm	Đ3528	Thùng	40
2	Đá ốp tường 10x25cm	Đ3527	Thùng	28

Kèm theo chứng từ:

5. Hoá đơn giá trị gia tăng

6. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá: Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.8. Biên bản giao nhận hàng hoá

Ví dụ 4: Ngày 28/12/2014, xuất bán hàng hóa cho công ty Cổ phần Miền Núi, theo phiếu xuất kho số 45/12, ngày 28 tháng 12 năm 2014, Hóa đơn GTGT số 0001302. Khách hàng chưa thanh toán.

Công ty cổ phần Bình Minh tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên khi xuất kho trên phiếu xuất chỉ ghi số lượng hàng hóa xuất kho còn trị giá hàng hóa xuất kho sẽ được xác định vào thời điểm cuối tháng. Như vậy trị giá của hàng hóa xuất kho trong ví dụ trên được tính vào cuối tháng như sau:

(1) Gạch ốp chân ốp tường 85x50 cm (TK214).

+Tồn đầu kỳ: 10 thùng, đơn giá là 408.000 đồng/thùng

+ Tình hình nhập trong kỳ của Gạch ốp chân tường 85x50 cm (TK214):

- Tổng số lượng hàng nhập trong tháng: 262 thùng

- Tổng trị giá hàng nhập trong tháng 106.896.000 đồng

+ Đơn giá xuất kho bình quân = $\frac{10 \times 408.000 + 106.896.000}{10 + 262}$

Tính đến ngày 31/12/2014

10 + 262

= 408.000 đồng/thùng

- Ngày 28/12/2014 xuất kho 20 thùng theo phiếu xuất kho số 45/12

=> *Trị giá xuất 20 thùng = 408.000 x 20 = 8.160.000 đồng*

(2) Đá ốp tường 10x20 cm (Đ3526).

+Tồn đầu kỳ: 15 thùng, đơn giá là 110.000 đồng/thùng

+ Tình hình nhập trong kỳ của Đá ốp tường 10x20 cm (Đ35286):

- Tổng số lượng hàng nhập trong tháng: 309 thùng

- Tổng trị giá hàng nhập trong tháng: 33.990.000 đồng

+ Đơn giá xuất kho bình quân = $\frac{15 \times 110.000 + 33.990.000}{15 + 309}$

Tính đến ngày 31/12/2014

15 + 309

= 110.000 đồng/thùng

- Ngày 28/12/2014 xuất kho 30 thùng theo phiếu xuất kho số 45/12

=> *Trị giá xuất 30 thùng = 110.000 x 30 = 3.300.000 đồng*

=> Tổng trị giá xuất kho ngày 28/12/2014: 8.160.000 + 3.300.000 = 11.460.000

đồng

Thủ tục xuất kho tại công ty Cổ phần Bình Minh:

- Sau khi nhận được đơn hàng của công ty Cổ phần xây dựng Miền Núi, Bà

Lê Thị Viện chuyển đơn hàng sang cho thủ kho

- Bà Nguyễn Thị Linh- thủ kho kiểm tra lại lượng hàng hoá và lập phiếu xuất kho số 45/12(biểu số 2.09).

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại cuốn, thủ kho giữ

+ Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

- Căn cứ vào phiếu xuất kho tiến hành xuất kho.

- Kế toán theo phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT số 0001302, sau đó đưa giám đốc ký duyệt. Đồng thời kế toán lập biên bản giao nhận hàng hoá (biểu số 2.10)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bình Minh**Mẫu số:** 02- VT**Địa chỉ:** Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng**Bộ phận:** Tổng kho (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 12 năm 2014

Số : 45/12

- Họ và tên người nhận: Vũ Văn Hiệp

- Theo: Yêu cầu xuất kho hàng hóa ngày 28 tháng 12 năm 2014

- Nhập tại kho: Tổng kho hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch ốp chân tường 85x50cm	TK214	thùng	20	20		
2	Đá ốp tường 10x20cm	Đ3526	thùng	30	30		
	Cộng						

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 28 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.09: Phiếu xuất kho

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HOÁ

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2014

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần xây dựng Miền Núi

- Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3692577

Fax:

- Đại diện: Ông Vũ Văn Hiệp

Chức vụ:

Bên B(Bên giao hàng) Công ty cổ phần Bình Minh

- Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

- Điện thoại: 031.3975729

Fax:

- Đại diện:

Ông: Lê Thị Viện

Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

TT	TÊN LOẠI HÀNG	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Gạch ốp chân tường 85x50cm	TK214	thùng	20
2	Đá ốp tường 10x20cm	Đ3526	thùng	30

Kèm theo chứng từ:

7. Hoá đơn giá trị gia tăng

8. Chứng chỉ xuất xưởng

Chất lượng hàng hoá:Hàng hoá mới 100%.

Biên bản kết thúc vào hồi 17h cùng ngày.Hai bên đều thống nhất ký tên.

Biên bản được thành lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản có giá trị pháp lý như sau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

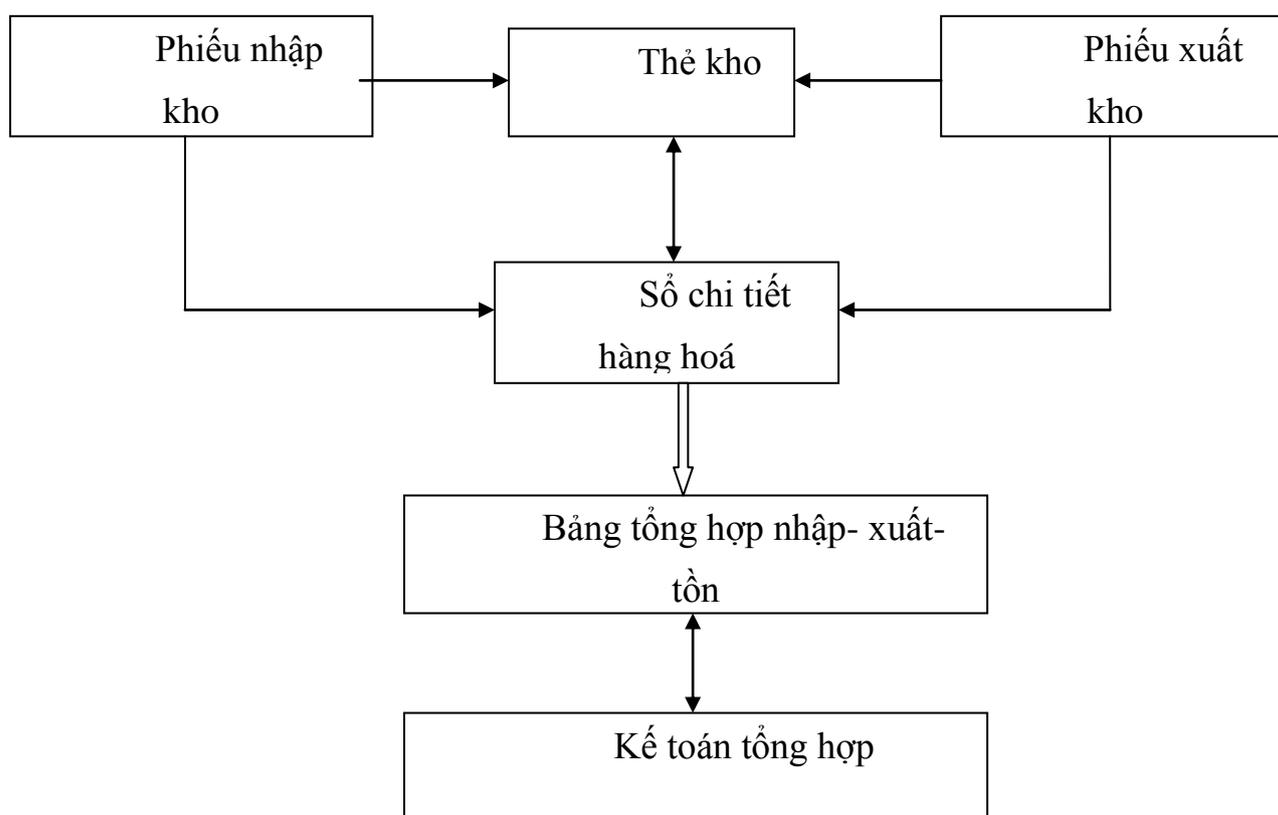
Biểu số 2.10. Biên bản giao nhận hàng hoá

2.2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

2.2.1: Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

Là công ty thương mại chuyên kinh doanh về vật liệu xây dựng nên công ty Cổ phần Bình Minh luôn theo dõi kỹ càng tình hình biến động của hàng hóa trong ngành xây dựng.

Công ty đã sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

—————> : Ghi cuối kỳ

—————> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4. Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song

Do đó việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và tại kho.

- Tại kho:

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại hàng hóa sẵn sàng xuất bán khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại hàng hóa để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại hàng hóa vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

$$\text{Số lượng tồn cuối kỳ} = \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ} - \text{Số lượng xuất kho trong kỳ}$$

- Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập kho hàng hóa do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Đối với chứng từ xuất: khi nhận được phiếu xuất, kế toán vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel nguyên về số lượng để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng hóa về lượng.

Cuối kỳ, kế toán tính ra đơn giá bình quân, sau đó tính ra trị giá của hàng xuất kho trong kỳ. Sau đó kế toán cộng số liệu trên sổ chi tiết đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt lượng. Căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng nhập – xuất – tồn hàng hóa. Căn cứ vào bảng nhập – xuất – tồn hàng hóa, kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái TK 156)

Tiếp ví dụ 1: Theo Hóa đơn GTGT số 0000985, ngày 12/12/2014, mua đá ốp tường của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn với Tổng giá thực tế nhập kho là 12.700.000 đồng. Công ty đã trả tiền mặt cho bên bán.

Sau khi người bán xuất hoá đơn và hàng hoá đã được công ty nhận đầy đủ

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000985 (Biểu số 2.1), và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (biểu số 2.3)

- Khi nhận được phiếu nhập kho thủ kho lập thẻ kho (biểu số 2.11, 2.12, 2.13) đồng thời kế toán chi tiết hàng tồn kho tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hoá tương ứng (biểu số 2.15, 2.16, 2.18).

- Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết hàng hoá, kế toán lập sổ tổng hợp nhập- xuất- tồn hàng hoá (biểu số 2.19)

Tiếp ví dụ 2 :Hóa đơn số 0001210, ngày 25/12/2014, mua gạch ốp chân tường của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc. VAT 10%. Tổng giá thực tế nhập kho là 24.315.000 đồng Chưa trả tiền cho người bán.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0001210 (Biểu số 2.4), và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (biểu số 2.6)

- Khi nhận được phiếu nhập kho thủ kho lập thẻ kho (biểu số 2.14) đồng thời kế toán chi tiết hàng tồn kho tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hoá tương ứng (biểu số 2.17).

- Căn cứ theo sổ chi tiết hàng hoá, kế toán lập sổ tổng hợp nhập- xuất- tồn hàng hoá (biểu số 2.19)

Tiếp ví dụ 3:Ngày 15/12/2014, xuất bán hàng cho Công ty cổ phần xây dựng Miền Núi, theo phiếu xuất kho số 20/12, ngày 15 tháng 12 năm 2014. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

+) Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho số 20/12 (biểu 2.7) để ghi vào thẻ kho.

+) Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất kho số 20/12, ngày 15 tháng 12 năm 2014 (biểu 2.7), kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết hàng hóa cho sản phẩm: Đá ốp tường 10x30cm, (biểu 2.15) và Đá ốp tường 10x25cm, (biểu 2.16) được thiết kế trên excel, nguyên theo dõi về số lượng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ. Số lượng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân. Sau đó điền vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel để tính ra trị giá xuất trong kỳ.

Tiếp ví dụ 4:Ngày 28/12/2014, xuất bán hàng hóa cho công ty Cổ phần Miền Núi, theo phiếu xuất kho số 45/12, ngày 28 tháng 12 năm 2014 và hóa đơn GTGT số 0001302. Khách hàng chưa thanh toán.

+) Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho số 45/12 (biểu 2.9) để ghi vào thẻ kho.

+) Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất kho số 45/12, ngày 28 tháng 12 năm 2014 (biểu 2.9), kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết hàng hóa cho sản phẩm: Gạch ốp chân tường 85x50cm, (biểu 2.17) và Đá ốp tường 10x20cm, (biểu 2.16) được thiết kế trên excel, nguyên theo dõi về số lượng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ. Số lượng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân. Sau đó điền vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel để tính ra trị giá xuất trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bình Minh
Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 7/12

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x30cm

Đơn vị tính: thùng

Mã số: Đ3528

TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập - xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	I	2	3	G
				<i>Số dư đầu tháng</i>				15	
1	12/12/2014	PNK 20/12		Mua đá ốp tường 10x30cm của công ty cổ phần Ngọc Sơn	12/12/2014	30		45	
	15/12/2014		PX20/12	Xuất bán ốp tường 10x30cm cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	15/12/2014		40	5	
								
				<i>Cộng cuối tháng</i>		350	362		
Tồn cuối kỳ:					x			3	X

- Sổ này có 100 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 100

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11. Thẻ kho

Công ty Cổ phần Bình Minh

Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 9/12

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x25cm

Đơn vị tính: thùng

Mã số: Đ3527

TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập - xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<i>Số dư đầu tháng</i>				10	
	12/12/2014	PNK 20/12		Mua đá ốp tường 10x25cm của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc	25/12/2014	25		35	
	15/12/2014		PX45/12	Xuất bán đá ốp tường 10x25cm cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	28/12/2014		28	7	
								
				Cộng cuối tháng		285	270		
Tồn cuối kỳ:					x			25	X

- Sổ này có 100 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 100

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12. Thẻ kho

Công ty Cổ phần Bình Minh
Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 11/12

Tên hàng hoá: Gạch ốp tường 85x50cm

Đơn vị tính: thùng

Mã số: TK214

TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập - xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	I	2	3	G
				<i>Số dư đầu tháng</i>				10	
	25/12/2014	PNK 42/12		Mua gạch ốp tường 85x50cm của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc	25/12/2014	30		40	
	28/12/2014		PX45/12	Xuất bán gạch ốp tường 85x50cm cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	28/12/2014		20	20	
								
				Cộng cuối tháng		262	270		
Tồn cuối kỳ:					x			02	X

- Sổ này có 100 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 100

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13. Thẻ kho

Công ty Cổ phần Bình Minh
Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2014

Tờ số: 13/12

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x20cm

Đơn vị tính: thùng

Mã số: Đ3526

TT	Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập - xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	I	2	3	G
				<i>Số dư đầu tháng</i>				15	
	12/12/2014	PNK 20/12		Mua đá ốp tường 10x20cm của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc	12/12/2014	45		60	
	28/12/2014		PX45/12	Xuất bán đá ốp tường 10x20 cm cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	28/12/2014		30	30	
								
				Cộng cuối tháng		309	312		
Tồn cuối kỳ:					x			12	X

- Sổ này có 100 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 100

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14. Thẻ kho

Công ty Cổ phần Bình Minh

Luu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2014

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x30cm

Tài khoản: 156

Mã hàng: Đ3528 Đơn vị tính: thùng

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK ĐƯ</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Nhập</i>		<i>Xuất</i>		<i>Tồn</i>	
<i>SH</i>	<i>NT</i>				<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>
		Tồn đầu kỳ		148.000					15	2.220.000
PN20/12	12/12	<i>Mua đá ốp tường 10x30cm của công ty cổ phần Ngọc Sơn</i>	111	150.000	30	4.500.000			45	6.720.000
PN21/12	13/12	Mua đá ốp tường 10x30cm của công ty TNHH Hòa Bình	331	150.000	21	3.150.000			66	9.870.000
...				
PX20/12	15/12	Xuất bán đá ốp tường 10x30cm cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	632	149.920			40	5.996.800	5	
									
		Tổng số phát sinh			350	52.500.000	362	54.270.240		
		Tồn cuối kỳ		149.920					3	449.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15. Sổ chi tiết hàng hoá

Công ty Cổ phần Bình Minh

Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2014

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x25cm

Tài khoản: 156

Mã hàng: Đ3527 Đơn vị tính: thùng

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Nhập</i>		<i>Xuất</i>		<i>Tồn</i>	
<i>SH</i>	<i>NT</i>				<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>
		Tồn đầu kỳ		125.000					10	1.250.000
PN20/12	12/12	Mua đá ốp tường Đ3527 của công ty cổ phần Ngọc Sơn	111	130.000	25	3.250.000			35	4.500.000
PN43/12	26/12	Mua đá ốp tường Đ3527 của công ty cổ phần Lan Hạ	111	130.000	19	2.470.000			54	6.970.000
....				
PX45/12	28/12	Xuất bán đá ốp tường Đ3527 cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	632	130.508			28	3.654.224	7	
					
		Tổng số phát sinh			285	37.250.000	270	35.237.300		
		Tồn cuối kỳ		130.508					25	3.262.700

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.16. Sổ chi tiết hàng hoá

Công ty Cổ phần Bình Minh

Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2014

Tên hàng hoá: Gạch ốp tường 80x50 cm

Tài khoản: 156

Mã hàng: TK214

Đơn vị tính: thùng

Ngày 30 tháng 04 năm 2014

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Nhập</i>		<i>Xuất</i>		<i>Tồn</i>	
<i>SH</i>	<i>NT</i>				<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>
		Tồn đầu kỳ		408.000					10	4.080.000
PN42/12	25/12	Mua gạch ốp tường 80x50cm của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc	331	408.000	30	12.240.000			45	18.360.000
PN45/12	27/12	Mua gạch ốp tường 80x50cm của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc	111	408.000	10	4.080.000			55	22.440.000
...			
PX45/12	28/12	Xuất bán gạch ốp tường 80x50cm cho công ty CP Xây dựng Miền Núi	632	408.000			20	8.160.000	25	
									
		Tổng số phát sinh			262	106.896.000	270	110.160.000		
		Tồn cuối kỳ		408.000					2	816.000

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.17. Sổ chi tiết hàng hoá

Công ty Cổ phần Bình Minh

Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2014

Tên hàng hoá: Đá ốp tường 10x20cm

Tài khoản: 156

Mã hàng: Đ3526

Đơn vị tính: thùng

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Nhập</i>		<i>Xuất</i>		<i>Tồn</i>	
<i>SH</i>	<i>NT</i>				<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>
		Số dư đầu kỳ		110.000					15	1.650.000
PN20/12	12/12	Mua đá ốp tường Đ3526 của công ty cổ phần Ngọc Sơn	331	110.000	45	4.950.000			60	6.600.000
PN43/12	12/12	Mua đá ốp tường Đ3526 của công ty cổ phần Ngọc Sơn	111	110.000	12	1.320.000			72	7.920.000
..			
PX45/12	28/12	Xuất bán đá ốp tường Đ3526 cho công ty Cổ phần Xây dựng Miền Núi	632	110.000			30	3.300.000	30	
									
		Tổng số phát sinh			309	33.990.000	312	34.320.000		
		Số dư cuối kỳ		110.000					12	1.320.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.18. Sổ chi tiết hàng hoá

Công ty Cổ phần Bình MinhLưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng **BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN HÀNG HOÁ**

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 156

Tên tài khoản: Hàng hoá

<i>TT</i>	<i>Tên hàng hoá</i>	<i>Tồn đầu kỳ</i>		<i>Nhập trong kỳ</i>		<i>Xuất trong kỳ</i>		<i>Tồn cuối kỳ</i>	
		<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>	<i>SL</i>	<i>Thành tiền</i>
1	Đá ốp tường 10x30cm(Đ3528)	15	2.220.000	350	52.500.000	362	54.270.240	3	449.760
2	Đá ốp tường 10x25cm(Đ3527)	10	1.250.000	285	37.250.000	270	35.237.300	25	3.262.700
3	Đá ốp tường 10x20cm(Đ3526)	15	1.650.000	309	33.990.000	312	34.320.000	12	1.320.000
4	Gạch ốp chân tường 85x50cm (TK214)	10	4.080.000	262	106.896.000	270	110.160.000	2	816.000

	Tổng cộng		230.820.400		938.121.700		989.030.200		179.911.900

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21. Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn

2.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty Cổ phần Bình Minh

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
- Thẻ kho(Mẫu số S09- DNN)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng,.....
- Và các chứng từ khác liên quan

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

-TK 156: Hàng hoá và mở các tài khoản cấp 2:

....

- Các tài khoản khác có liên quan:

+ TK 111: tiền mặt

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

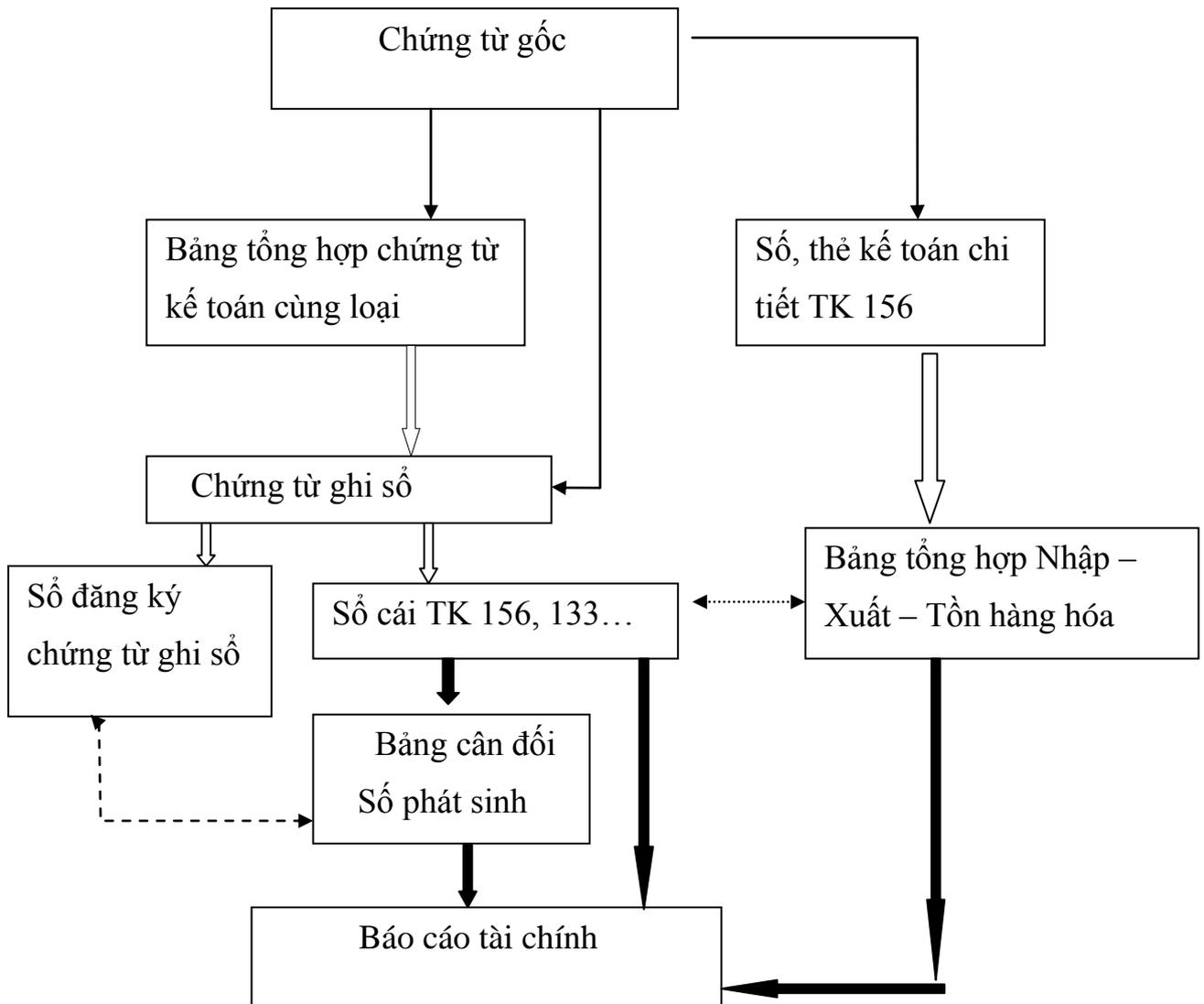
+ TK 331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán.

+ TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

+ TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.3. Quy trình hạch toán hàng hoá tại Công ty Cổ phần Bình Minh

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ:



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

➔ Ghi cuối năm

↔ Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các chứng từ kế toán khác, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Đồng thời, kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết TK156. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi

sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi sổ cái TK156 và sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Tiếp ví dụ 1: Hóa đơn số 0000985, ngày 12/12/2014, mua đá ốp tường của Công ty Cổ phần Ngọc Sơn. Tổng giá thực tế nhập kho: 12.700.000 đồng. Công ty đã trả tiền mặt cho bên bán.

- Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 156: 12.700.000

Nợ TK 133: 1.270.000

Có TK 111: 13.970.000

- Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.20)

- Cuối tháng, từ bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.23)

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.26) và sổ cái TK156 (biểu 2.27), TK 133, TK 111

Tiếp ví dụ 2: Hóa đơn số 0001210, ngày 25/12/2014, mua gạch ốp chân tường của Doanh nghiệp tư nhân Đá Bạc. Tổng giá thực tế nhập kho là: 24.315.000 đồng. Chưa trả tiền cho người bán.

- Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 156: 24.315.000

Nợ TK 133: 2.431.500

Có TK 331: 26.746.500

- Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.21)

- Cuối tháng, từ bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.24)

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.26) và sổ cái TK156 (biểu 2.27), TK 133, TK 331

Công ty Cổ phần Bình Minh

MST : 00200453751

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Nội dung: Ghi có cho TK 111

Tháng 12/2014

Số 20/12

Chứng từ		Trích yếu	Ghi có TK 111, Ghi nợ TK:				Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		TK 133	TK 112	TK 156	
...
HĐ985	12/12	Mua hàng hóa nhập kho	1.270.000		12.700.000		13.970.000
PC336	15/12	Xuất tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng		234.000.000			257.400.000
...
		Cộng	24.216.321	380.800.000	231.152.500	1.520.511.210

Kèm theo 30 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Biểu số 2.20. Bảng kê chứng từ cùng loại

Công ty Cổ phần Bình Minh

MST : 00200453751

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Nội dung: Ghi có cho TK 331

Tháng 12/2014

Số 45/12

Chứng từ		Trích yếu	Ghi có TK 331, Ghi nợ TK				Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		TK 133	TK 153	TK 156	
...
HĐ0001210	25/12	Mua hàng hóa về nhập kho	2.431.500		24.315.000		26.746.500
HĐ0001350	27/12	Mua công cụ dụng cụ phục vụ bán hàng	3.500.000	35.000.000			38.500.000
...
		Cộng	57.821.315	35.000.000	198.138.500	650.284.210

Kèm theo 32 chứng từ gốc.

Người lập

(Ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

(Ký)

Biểu số 2.21. Bảng kê chứng từ cùng loại

Công ty Cổ phần Bình Minh

MST : 00200453751

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Nội dung: Ghi có cho TK 156

Tháng 12/2014

Số 50/12

<i>TT</i>	<i>Tên hàng hóa</i>	<i>Mã số</i>	<i>Ghi có TK 156, ghi nợ TK 632</i>			<i>Ghi chú</i>
			<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>	
1	Đá ốp tường 10x30cm	Đ3528	362	149.920	54.270.240	
2	Đá ốp tường 10x25cm	Đ3527	270	130.508	35.237.300	
3	Đá ốp tường 10x20cm	Đ3526	312	110.000	34.320.000	
4	Gạch ốp chân tường 85x50cm	TK214	270	408.000	110.160.000	
	
	Cộng				989.030.200	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kèm theo 52 chứng từ gốc.

Người lập

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Biểu số 2.22. Bảng kê chứng từ cùng loại

Công ty Cổ phần Bình Minh CHỨNG TỪ GHI SỔ

MST : 00200453751

Số 20/12

Tháng 12 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua hàng trả bằng tiền mặt	156	111	231.152.500	
Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112	111	380.800.000	
VAT đầu vào	133	111	24.216.321	
...	
Cộng			1.520.511.210	

Kèm theo bảng kê chứng từ cùng loại và các chứng từ gốc có liên quan

Người lập

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Biểu số 2.23. Chứng từ ghi sổ**Công ty Cổ phần Bình Minh****CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 45/12

Tháng 12 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua hàng hóa về nhập kho	156	331	198.138.500	
Mua công cụ dụng cụ phục vụ bán hàng	153	331	35.000.000	
VAT đầu vào	133	331	57.821.315	
..	
Cộng			650.284.210	

Kèm theo bảng kê chứng từ cùng loại và các chứng từ gốc có liên quan

Người lập

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Biểu số 2.24. Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ phần Bình Minh

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số 46/12****Tháng 12 năm 2014**

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất bán hàng hóa	632	156	989.030.200	
Cộng			989.030.200	

Kèm theo bảng kê chứng từ cùng loại và các chứng từ gốc có liên quan

Người lập*(Ký)***Kế toán trưởng***(Ký)***Biểu số 2.25. Chứng từ ghi sổ**

Công ty Cổ phần Bình Minh

Mẫu số S02a- DNN

MST : 00200453751

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**Năm 2014**

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/01	31/01	117.895.000
...
12/12	31/12	254.267.750
45/12	31/12	217.952.350
46/12	31/12	989.030.200
....
Cộng		5.890.238.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.26. Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ**

Công ty Cổ phần Bình Minh

Luu Kiêm - Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Hàng hoá

Số hiệu tài khoản: 156

(Trích sổ cái TK 156 tháng 12/ 2014)

Đơn vị tính: đồng

<i>Ngày tháng ghi sổ</i>	<i>Chứng từ ghi sổ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>Số hiệu TKĐƯ</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong tháng		230.820.400	
31/12/2014	20/12	31/12	Mua hàng hóa về nhập kho	111	231.152.500	
31/12/2014	32/12	31/12	Mua hàng hóa về nhập kho	112	508.830.700	
31/12/2014	45/12	31/12	Mua hàng hóa về nhập kho	331	198.138.500	
31/12/2014	46/12	31/12	Xuất bán hàng hóa	632		989.030.200
			- Cộng số phát sinh tháng		938.121.700	989.030.200
			- Số dư cuối tháng		179.911.900	

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)**Giám đốc**
(ký, họ tên)**Biểu số 2.27. Sổ cái TK 156**

2.2.3. Công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh

Cuối quý, Công ty tổ chức kiểm kê hàng hóa để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách.

Vì các loại hàng hóa của Công ty chủ yếu là hàng hóa dễ kiểm soát, có thể trực tiếp kiểm tra được nên việc kiểm kê được tiến hành khá đơn giản. Bộ phận kiểm kê căn cứ vào chứng từ nhập, xuất kho hàng hóa và số lượng hàng hóa tồn kho để tính ra được hiệu quả sản xuất kinh doanh, tốc độ bán ra của từng loại hàng hóa để Ban Giám đốc có sự điều chỉnh kịp thời.

Trước mỗi lần kiểm kê khi hàng hóa được sự thông báo của hội đồng kiểm kê công ty, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ kế toán về hàng hóa đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của hàng hóa.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... Hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê hàng hóa. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc gây hỏng....Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan như vỡ trong quá trình bảo quản nhưng số lượng không đáng kể.

Khi kiểm kê phát hiện hàng hóa dư thừa, thiếu, mất, hư hỏng, kế toán phải căn cứ vào nguyên nhân hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để xử lý như sau:

- Nếu thừa, thiếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi vào sổ phải tiến hành bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán.

+ Trường hợp phát hiện thiếu khi kiểm kê chưa xác định được nguyên nhân và người phạm lỗi, kế toán ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 156 – hàng hóa

Khi có quyết định xử lý: Nếu người làm mất, hỏng phải bồi thường, ghi :

Nợ TK 111: Tiền mặt

Nợ TK 334: Phải trả người lao động

Nợ TK 138(1388): Phải thu khác

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 138(1) – Phải thu khác

Trường hợp phát hiện thừa chưa xác định được nguyên nhân phải chờ xử lý, kế toán ghi:

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền ghi:

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có các TK có liên quan

Cuối kỳ, kế toán sẽ tiến hành kiểm kê hàng hoá tồn kho. Công ty tiến hành kiểm kê kho và lập biên bản kiểm kê gồm 3 người: thủ kho, kế toán kho và trưởng phòng giao nhận.

Kế toán thực hiện so sánh, đối chiếu giữa sổ chi tiết hàng hoá với số lượng thực tế trong kho. Không có sự chênh lệch về giá trị hay số lượng giữa hàng hoá tồn thực tế trong kho và hàng hoá tồn trên sổ sách.

Bảng kiểm kê kho hàng hoá lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 (biểu số 1.20)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG HOÁ**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Bình Minh**Bộ phận:** Tổng kho

- Thời điểm kiểm kê: 16 giờ ngày 31 tháng 12

Năm 2014

- Ban kiểm kê gồm có

Ông/ Bà: Nguyễn Thị Linh Chức vụ: Thủ kho Đại diện: Tban

Bà: Lê Thị Viện

Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Đại diện:

Bà: Nguyễn Thị Thắm

Chức vụ: Kế toán

- Đã kiểm kê có những mặt hàng dưới đây:

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
								Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		
1	Đá ốp tường 10x30cm(Đ3528)	thùng	150.000	3	450.000	3	450.000	-				Tốt		
2	Đá ốp tường 10x25cm(Đ3527)	thùng	130.000	25	3.250.000	25	3.250.000	-				Tốt		
3	Đá ốp tường 10x20cm(Đ3526)	thùng	110.000	12	1.320.000	12	1.320.000					Tốt		
4	Gạch ốp chân tường 85x50cm (TK214)	thùng	408.000	2	816.000	2	816.000					Tốt		
7	-	-		X		
	Cộng				179.911.900		179.911.900							

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ý kiến giải quyết số chênh lệch)

Ký, họ tên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Ký, họ tên)

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả các loại hàng hoá còn tốt 100% và số lượng không chênh lệch so với sổ sách.

Biểu số 2.28. Biên bản kiểm kê hàng hoá

CHƯƠNG 3: MỘT Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH MINH

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh

- Trong nền kinh tế thị trường ngày nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế như: WTO, APEC,... việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

- Trước những thách thức cũng như cơ hội này, Công ty Cổ phần Bình Minh luôn tạo mọi cơ hội sáng tạo, luôn tìm mọi cách để cải tiến lối làm việc. Tuyển chọn, sử dụng người quản lý kinh doanh năng động, có hiệu quả, và đào thải những nhà quản lý kém hiệu quả và luôn rút ra được những bài học kinh nghiệm để phát triển:

- + Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- + Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà Nước.
- + Sắp xếp, tổ chức tốt bộ máy quản lý.
- + Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ và tay nghề.

- Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng hóa tại công ty cho thấy Công ty gặp không ít khó khăn và thách thức. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty cùng kinh doanh một mặt hàng. Các yếu tố vĩ mô như mất cân bằng cung cầu, lạm phát khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ. Song với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, công ty đã khẳng định được vị thế và đứng vững trên thị trường.

- Bộ máy kế toán của Công ty, nhất là công tác kế toán hàng hóa được tổ chức một cách hợp lý hoạt động có nề nếp, các cán bộ kế toán nhiệt tình yêu nghề tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo khoa học có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao.

- Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty với những kiến thức được học ở nhà trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty có những ưu, nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban, bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Từng nhân viên trong công ty được gắn bó vào hoạt động chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm, phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả.

- Việc bố trí các cán bộ kế toán và phân định trong bộ máy kế toán của công ty tương đối phù hợp với khối lượng công việc và đáp ứng được nhu cầu đề ra. Đội ngũ cán bộ kế toán của công ty tuy tuổi đời còn trẻ song lại rất năng động, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng. Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác kế toán.

- Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của mình trong việc hạch toán các nghiệp vụ hàng hóa, công ty đã chi tiết tài khoản ra cấp 2,3 và mở thêm một số tài khoản chi tiết cho các tài khoản chi tiết đó, chính điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép kế toán được rõ ràng cũng như việc kiểm tra đối chiếu giữa các số liệu kế toán.

- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006.

Hệ thống tài khoản: Công ty Cổ phần Bình Minh áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

Hệ thống chứng từ: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất,

nhập kho... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức chứng từ ghi sổ đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

- Nhìn chung, tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Bình Minh phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho hiện hành, tuân thủ các quy định của nhà nước về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, đảm bảo sự thống nhất giúp nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

*) Tổ chức kế toán hàng hoá:

- Trong công tác theo dõi hàng hoá nhập- xuất- tồn trong kỳ kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm hàng hoá lên hệ thống sổ sách của công ty.

Công ty Cổ phần Bình Minh đã xây dựng một quy trình nhập-xuất kho tương đối hoàn thiện: chẳng hạn, đối với hoạt động nhập kho, dựa vào kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch dự trữ hàng tồn kho, yêu cầu mua hàng, phòng kinh doanh lập giấy đề nghị mua hàng (sau khi được phê duyệt) sẽ lập đơn đặt hàng hoặc thỏa thuận các hợp đồng mua hàng, sau đó mới nhập kho hàng hóa.

Đối với hoạt động xuất kho, công ty đã xây dựng quy trình xuất kho phù hợp. Đảm bảo các căn cứ ghi sổ phù hợp với chuẩn mực kế toán.

+) Về kế toán chi tiết hàng hoá:

Công ty Cổ phần Bình Minh hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty vì công ty kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong công tác hạch toán chi tiết

hàng tồn kho tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi hàng hoá, quản lý chi tiết hàng hoá, kế toán theo dõi chi tiết hàng hoá thông qua sổ chi tiết hàng hoá. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

+) Về kế toán tổng hợp hàng hóa:

Tại công ty Cổ phần Bình Minh, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên công ty có thể theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng hoá và hạch toán chặt chẽ theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại

+) Về phương pháp tính giá hàng tồn kho:

Công ty Cổ phần Bình Minh tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Phương pháp này có khối lượng ghi chép với tính toán ít giúp kế toán dễ dàng ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế toán.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hoá nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

Thứ nhất: Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán:

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty là thủ công (dùng excel hỗ trợ), công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

Thứ hai: Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên cuối kỳ mới tính được đơn giá xuất hàng. Việc công ty sử dụng phương pháp này sẽ có khối lượng ghi chép với tính toán ít giúp kế toán dễ dàng ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế

toán nhưng lại không theo dõi được kịp thời tình hình biến động của hàng hóa phát sinh trong tháng.

Thứ ba: Về công tác quản lý hàng hoá:

Công ty chưa xây dựng danh điểm hàng hóa nên việc theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng hóa của công ty còn chưa được kịp thời và hiệu quả.

Thứ tư: Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tại công ty hiện nay chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong khi mặt hàng vật liệu xây dựng đến cuối năm qua có xu hướng biến động giảm do bất động sản đóng băng, việc đó có thể gây ra những rủi ro và làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hoá tại công ty Cổ phần Bình Minh:

3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty Cổ phần Bình Minh.

Với nền kinh tế thị trường luôn có những biến động như hiện nay thì vai trò của thông tin kế toán trong doanh nghiệp là rất quan trọng. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Hàng hoá là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp thương mại. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển để từ đó doanh nghiệp tiến tới tối đa hoá lợi nhuận và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường, do vậy công tác hạch toán kế toán hàng hoá là vấn đề không thể thiếu trong các doanh nghiệp thương mại.

- Công ty Cổ phần Bình Minh mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng hóa tồn kho song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và chủ động hàng hóa để từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho Công ty. Do đó, việc nghiên cứu các

biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán kế toán hàng tồn kho tại Công ty là vô cùng quan trọng.

- Hoàn thiện giúp Công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán hàng tồn kho, giúp ban lãnh đạo Công ty nắm chắc tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán hàng tồn kho nắm bắt chính xác số lượng, giá trị hàng tồn kho: đảm bảo chất lượng và hàng kém chất lượng, hàng chậm tiêu thụ để kịp thời điều chỉnh.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa:

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

+ Cung cấp số liệu, thông tin về hàng hóa một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+ Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán.

+ Số liệu kế toán phải phản ánh kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức quan trọng đối với cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước, đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

+ Số liệu phải rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của doanh nghiệp và đối tác tham gia góp vốn liên doanh.

+ Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh:

Thứ nhất: Về công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty:

Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

+Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

+Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

+Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

⇒ Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

*** Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2012)**

+Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

+Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012:



* **Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING:**

+ Fast accounting (phiên bản 10.0) là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm Fast accounting (phiên bản 10.0)



Thứ hai: Phương phương pháp tính giá hàng tồn kho:

Công ty nên áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính trị giá hàng hóa xuất kho. Phương pháp này sẽ giúp cho công ty khắc phục được những hạn chế so với việc sử dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ đó là theo dõi được kịp thời tình hình biến động của hàng hóa phát sinh trong tháng. Khối lượng tính toán và ghi chép của phương pháp này tăng lên sẽ được khắc phục do công ty sử dụng phần mềm máy tính vào công tác kế toán.

Công thức tính:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng hoá xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại hàng hoá xuất kho}$$

Thứ ba: Về công tác quản lý hàng hoá.

Nguồn hàng hóa trong công ty có nhiều chủng loại vì vậy doanh nghiệp nên lập danh điểm hàng hóa để việc theo dõi và kiểm soát vật tư được dễ dàng và chính xác hơn.

Để thuận tiện cho công tác quản lý hàng hóa được chặt chẽ thống nhất, đối chiếu kiểm tra được dễ dàng và dễ phát hiện khi sai sót và thuận tiện cho việc muốn tìm kiếm thông tin về một loại hàng hóa nào đó, trước hết công ty nên mở "Sổ danh điểm hàng hóa". Sổ danh điểm hàng hóa được mở theo tên gọi, quy cách hàng hóa bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính và giá hạch toán muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định số danh điểm hàng hóa thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán.

Việc mở sổ danh điểm hàng hóa sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, kinh doanh và rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán cho phần vận hành hạch toán hàng tồn kho trên máy vi tính.

Sổ danh điểm có thể được xây dựng theo mẫu sau:

Kho	Danh điểm hàng hoá	Tên hàng hoá	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
Công ty	1561	Hàng hoá		Thùng	
	15611	Đá ốp tường		Thùng	
	156111	Đá ốp tường 10x30cm	Đ3528	Thùng	
	156112	Đá ốp tường 10x25 cm	Đ3527	Thùng	
	156113	Đá ốp tường 10x20cm	Đ3526	Thùng	
			
	15612	Gạch ốp chân tường 85x50cm		Thùng	
	156121	Gạch ốp chân tường 85x50cm	MJ321	Thùng	
	156122	Gạch ốp chân tường 85x50cm	TK214	Thùng	
	156123	Gạch ốp chân tường 85x50cm	MK215	Thùng	
				

Mở sổ danh điểm hàng hóa phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, phòng kinh doanh sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty.

Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hóa thì việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời để không làm ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư: Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán,

các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tránh được những tổn thất trong việc biến động giá cả.

Theo quy luật của nền kinh tế thị trường, hàng hoá được mua bán với sự đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. Giá cả của chúng cũng thường xuyên không ổn định. Có thể năm này giá hàng hóa cao hơn năm trước và ngược lại, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc xác định chính xác giá thực tế hàng hóa mua vào, lại càng khó trong việc hạch toán kết quả kinh doanh. Em nghĩ việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với công ty Cổ phần Bình Minh, nhất là khi giá cả không ổn định mà chủng loại hàng hóa mua vào ngày càng nhiều do yêu cầu mở rộng kinh doanh, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty.

Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia.

Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại thực tế hàng tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa đó là lập dự phòng giảm được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của hàng tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau:

Mức dự phòng	Lượng hàng		Giá gốc	Giá thực tế hàng
Giảm giá hàng	= hoá thực tế	X	hàng tồn	- tồn kho trên thị
Hoá cho năm	tồn kho tại 31/12		kho theo	trường tại 31/12
Kế hoạch	năm báo cáo		sổ kế toán	của năm báo cáo

Giá thực tế hàng hóa trên thị trường bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua hoặc bán trên thị trường. Việc lập phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty. Bảng kê này chính là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của hàng hóa trên thị trường.

+) Theo QĐ 48/2006 – BTC, ngày 14/09/2006 sử dụng TK 159(3) để phản ánh dự phòng giảm giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu TK 159(3)

- Bên Nợ: Hoàn nhập số dư dự phòng cuối niên độ trước
- Bên Có: Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dư Có: Phản ánh số trích lập dự phòng hiện có

*) Cách hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Cuối năm kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159(3) - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159(3): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159(3): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu con đường phát triển của mình, công ty Cổ phần Bình Minh cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Bài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Bình Minh” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, những tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác. Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý kiến của các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng Kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy Th.s Nguyễn Văn Thụ, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng Ban Lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán Cổ phần Bình Minh đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Sinh viên

Lê Hải Ninh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp – Quyển 1
2. Chế độ kế toán trong doanh nghiệp – Quyển 2
3. Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006
4. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – GS.TS.Đặng Thị Loan
5. 26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp – PGS.TS Võ Văn Nhị
6. Khóa luận của các khóa trên